

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH BÌNH PHƯỚC**

Số 51 /TTr-UBND

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bình Phước, ngày 12 tháng 6 năm 2023

TỜ TRÌNH

Về việc ban hành Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh Quy định giá sản phẩm, dịch vụ công ích thủy lợi trên địa bàn tỉnh Bình Phước

Kính gửi: Hội đồng nhân dân tỉnh Bình Phước.

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 18 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ Luật giá ngày 20 tháng 6 năm 2012;

Căn cứ Luật Phí và lệ phí ngày 25 tháng 11 năm 2015;

Căn cứ Luật Thuỷ lợi ngày 19 tháng 6 năm 2017;

Căn cứ Nghị định số 32/2019/NĐ-CP ngày 10 tháng 4 năm 2019 của Chính phủ quy định giao nhiệm vụ, đặt hàng hoặc đấu thầu cung cấp sản phẩm, dịch vụ công sử dụng ngân sách nhà nước từ nguồn chi phí chi thường xuyên;

Căn cứ Nghị định số 96/2018/NĐ-CP ngày 30 tháng 6 năm 2018 của Chính phủ quy định chi tiết về giá sản phẩm, dịch vụ thủy lợi và hỗ trợ tiền sử dụng sản phẩm, dịch vụ công ích thủy lợi;

UBND tỉnh trình Hội đồng nhân dân (HĐND) tỉnh dự thảo Nghị quyết Quy định giá sản phẩm, dịch vụ công ích thủy lợi trên địa bàn tỉnh Bình Phước, với các nội dung chính như sau:

I. Sự cần thiết ban hành nghị quyết

Căn cứ điểm a, khoản 2, Điều 35 của Luật Thuỷ lợi năm 2017 quy định: “*Đối với sản phẩm, dịch vụ công ích thủy lợi, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định giá cụ thể giá sản phẩm, dịch vụ công ích thủy lợi thuộc phạm vi thẩm quyền quản lý sau khi được Hội đồng nhân dân cùng cấp thông qua trên cơ sở giá tối đa sản phẩm, dịch vụ công ích thủy lợi do Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định*”.

Năm 2022, Bộ Tài chính không ban hành giá tối đa sản phẩm, dịch vụ công ích thủy lợi mà ban hành công văn số 13288/BTC-QLG Ngày 16/12/2022 về việc giá sản phẩm, dịch vụ công ích thủy lợi năm 2022, theo đó: đề nghị UBND tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương thực hiện theo quy định tại Nghị định

96/2018/NĐ-CP và quy định của pháp luật hiện hành đối với giá sản phẩm dịch vụ công ích thuỷ lợi năm 2022, cụ thể: Tại khoản 3, Điều 10, Nghị định số 96/2018/NĐ-CP ngày 11/11/2016 của Chính phủ quy định: “Trường hợp trong điều kiện bình thường, các chi phí đầu vào trong giá sản phẩm, dịch vụ thủy lợi dự kiến năm kế hoạch ổn định, không biến động so với năm liền kề trước đó, Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn và Ủy ban nhân dân cấp tỉnh không đề nghị điều chỉnh giá tối đa hoặc khung giá sản phẩm, dịch vụ thủy lợi nhưng phải quy định giá cụ thể sản phẩm, dịch vụ thủy lợi và không được vượt quá giá tối đa và khung giá do Bộ Tài chính đã thông báo trước đó để các tổ chức, cá nhân khai thác công trình thủy lợi thực hiện; đồng thời gửi báo cáo về Bộ Tài chính”.

Từ những quy định trên (khoản 3, Điều 10 của Nghị định số 96/2018/NĐ-CP ngày 30/6/2018 của Chính phủ, Công văn số 13288/BTC-QLG ngày 16/12/2022 của Bộ Tài chính), để có cơ sở cho Công ty TNHH MTV Dịch vụ Thủy lợi Bình Phước áp dụng biểu giá hợp đồng cung cấp dịch vụ tưới, tiêu, cấp nước với các tổ chức, cá nhân sử dụng sản phẩm dịch vụ thủy lợi trong năm 2023 và các năm tiếp theo, việc UBND tỉnh trình HĐND tỉnh ban hành Nghị quyết về giá sản phẩm, dịch vụ công ích thủy lợi trên địa bàn tỉnh Bình Phước là cần thiết.

II. Mục đích, quan điểm

1. Mục đích

Tuân thủ đúng các quy định tại Luật Thủy lợi ngày 19 tháng 6 năm 2017; Nghị định số 96/2018/NĐ-CP ngày 30/6/2018 của Chính phủ quy định chi tiết Giá sản phẩm, dịch vụ thủy lợi và hỗ trợ tiền sử dụng sản phẩm, dịch vụ công ích thủy lợi; làm cơ sở để các đơn vị quản lý công trình thủy lợi chủ động trong xây dựng kế hoạch sản xuất kinh doanh, lập dự toán và quyết toán theo đúng quy định.

2. Quan điểm

Nội dung Nghị quyết không trái với các quy định tại văn bản quy phạm pháp luật cấp trên, phù hợp với điều kiện thực tiễn của địa phương; thực hiện xây dựng Nghị quyết phải đảm bảo trình tự, thủ tục xây dựng, ban hành văn bản quy phạm pháp luật của HĐND tỉnh.

Về giá sản phẩm, dịch vụ công ích thủy lợi trên địa bàn tỉnh Bình Phước trong Dự thảo Nghị quyết của HĐND: UBND tỉnh đề xuất bằng mức giá cụ thể sản phẩm, dịch vụ công ích thủy lợi được quy định tại Quyết định số 1174/QĐ-UBND tỉnh ngày 18/5/2017 của UBND tỉnh về việc ban hành Quy định (tạm thời) giá sản phẩm, dịch vụ công ích thủy lợi trên địa bàn tỉnh Bình Phước. Lý do:

- Không vượt quá giá tối đa và khung giá do Bộ Tài chính đã thông báo trước đó (tại Quyết định số 1477/QĐ-BTC ngày 05/8/2021 của Bộ Tài chính);

- Đang được áp dụng thực hiện các năm qua, vẫn cơ bản đảm bảo nhiệm vụ cung cấp sản phẩm, dịch vụ công ích thủy lợi trên địa bàn tỉnh Bình Phước và đảm bảo để các đơn vị thực hiện công tác quản lý, khai thác vận hành công trình thủy lợi an toàn, hiệu quả.

III. Quá trình xây dựng Dự thảo Nghị quyết

Ngày 05/4/2023, UBND tỉnh có Tờ trình số 307/TTr-UBND đề nghị xây dựng Nghị quyết của HĐND tỉnh Quy định giá sản phẩm, dịch vụ công ích thuỷ lợi năm 2023 trên địa bàn tỉnh Bình Phước.

Ngày 24/4/2023, HĐND tỉnh đã có Công văn số 126/HĐND về phân công cơ quan trình dự thảo Nghị quyết tại kỳ họp giữa năm 2023 của HĐND tỉnh và UBND tỉnh ban hành Công văn số 1354/UBND-TH ngày 24/4/2023 về việc phân công nhiệm vụ chuẩn bị nội dung trình HĐND tỉnh thông qua tại kỳ họp giữa năm 2023.

Trong quá trình xây dựng dự thảo Nghị quyết, Sở Nông nghiệp và PTNT (cơ quan chủ trì soạn thảo) đã xin ý kiến của các sở, ngành, UBND các huyện, thị xã, thành phố và các cơ quan, đơn vị có liên quan.

Trên cơ sở ý kiến của các cơ quan, đơn vị, Sở Nông nghiệp và PTNT đã tiếp thu, giải trình và hoàn thiện dự thảo Nghị quyết gửi Sở Tư pháp thẩm định tại Công văn số 1027/SNN-VP ngày 16/5/2023; Dự thảo Nghị quyết đã được Sở Tư pháp thẩm định tại Báo cáo số 154/BC-STP ngày 22/5/2023.

IV. Bố cục và nội dung cơ bản của Nghị quyết

1. Bố cục

Dự thảo Nghị quyết được bố cục gồm 03 Điều, cụ thể:

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng.

Điều 2. Thông qua quy định giá sản phẩm, dịch vụ công ích thuỷ lợi trên địa bàn tỉnh Bình Phước.

Điều 3. Tổ chức thực hiện.

2. Nội dung cơ bản

a) Giá sản phẩm, dịch vụ công ích thuỷ lợi đối với đất trồng lúa:

TT	Vùng và biện pháp công trình	Mức giá (1.000 đồng/ha/vụ)
1	Các xã miền núi trên địa bàn tỉnh	
-	Tưới tiêu bằng động lực	1.811
-	Tưới tiêu bằng trọng lực	1.267
-	Tưới tiêu bằng trọng lực và kết hợp động lực hỗ trợ	1.539
2	Các xã còn lại trên địa bàn tỉnh	
-	Tưới tiêu bằng động lực	1.329
-	Tưới tiêu bằng trọng lực	930
-	Tưới tiêu bằng trọng lực và kết hợp động lực hỗ trợ	1.130

- Trường hợp tưới, tiêu chủ động một phần thì mức giá bằng 60% mức giá tại biếu trên;

- Trường hợp chỉ tạo nguồn tưới, tiêu bằng trọng lực thì mức giá bằng 40% mức giá tại biếu trên;

- Trường hợp chỉ tạo nguồn tưới, tiêu bằng động lực thì mức giá bằng 50% mức giá tại biếu trên;

- Trường hợp phải tạo nguồn từ bậc 2 trở lên đối với các công trình được xây dựng theo quy hoạch được cấp có thẩm quyền phê duyệt, mức giá được tính tăng thêm 20% so với mức giá tại biếu trên.

b) Mức giá đối với diện tích trồng mạ, rau, màu, cây công nghiệp ngắn ngày kể cả cây vụ đông được tính bằng 40% mức giá đối với đất trồng lúa;

c) Mức giá đối với cấp nước để chăn nuôi, nuôi trồng thủy sản và cấp nước tưới cho cây công nghiệp dài ngày, cây ăn quả, hoa và cây dược liệu được tính theo Biểu sau:

TT	Các đối tượng dùng nước	Đơn vị	Mức giá theo các biện pháp công trình	
			Bơm	Hồ đập, kênh cổng
1	Cấp nước cho chăn nuôi	đồng/m ³	1.320	900
2	Cấp nước để nuôi trồng thủy sản	đồng/m ³	840	600
		đồng/m ² mặt thoáng/năm		250
3	Cấp nước tưới các cây công nghiệp dài ngày, cây ăn quả, hoa và cây dược liệu	đồng/m ³	1.020	840

- Trường hợp cấp nước tưới cho cây công nghiệp dài ngày, cây ăn quả, hoa, cây dược liệu nếu không tính được theo mét khối (m^3) thì tính theo diện tích (ha), mức giá bằng 80% mức giá sản phẩm, dịch vụ công ích thủy lợi đối với đất trồng lúa cho một năm theo quy định.

d) Giá sản phẩm, dịch vụ công ích thủy lợi quy định tại Điều này là giá không có thuế giá trị gia tăng.

V. Những vấn đề khác xin ý kiến: Không.

Trên đây là Tờ trình về dự thảo Nghị quyết Quy định giá sản phẩm, dịch vụ công ích thuỷ lợi trên địa bàn tỉnh Bình Phước, UBND tỉnh kính trình HĐND tỉnh xem xét, quyết định./.

Hồ sơ gửi kèm theo:

1. Dự thảo Nghị quyết Quy định giá sản phẩm, dịch vụ công ích thuỷ lợi trên địa bàn tỉnh Bình Phước;

2. Báo cáo số 127/BC-SNN-TL ngày 15/5/2023 của Sở Nông nghiệp và PTNT về quá trình xây dựng, tổng hợp ý kiến góp ý của các Sở, ngành, địa phương và tiếp thu chỉnh sửa dự thảo Nghị quyết;

3. Báo cáo thẩm định số 154/BC-STP ngày 22/5/2023 của Sở Tư pháp;

4. Báo cáo của Sở Nông nghiệp và PTNT tiếp thu nội dung thẩm định của Sở Tư pháp.

Nơi nhận:

- Thường trực Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- Ủy ban MTTQVN tỉnh và các đoàn thể;
- Văn phòng Tỉnh ủy;
- Văn phòng Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh;
- Sở Nông nghiệp và PTNT;
- LĐVP, phòng: KT;
- Lưu: VT(Th TTr 02-023).

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

CHỦ TỊCH



Trần Tuệ Hiền



HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN
TỈNH BÌNH PHƯỚC

Số: /2023/NQ-HĐND

DỰ THẢO

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bình Phước, ngày tháng năm 2023

NGHỊ QUYẾT

Quy định giá sản phẩm, dịch vụ công ích thủy lợi trên địa bàn tỉnh Bình Phước

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH BÌNH PHƯỚC KHÓA X, KỲ HỌP THỨ ...

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 18 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ Luật giá ngày 20 tháng 6 năm 2012;

Căn cứ Luật Phí và lệ phí ngày 25 tháng 11 năm 2015;

Căn cứ Luật Thuỷ lợi ngày 19 tháng 6 năm 2017;

Căn cứ Nghị định số 32/2019/NĐ-CP ngày 10 tháng 4 năm 2019 của Chính phủ quy định giao nhiệm vụ, đặt hàng hoặc đấu thầu cung cấp sản phẩm, dịch vụ công sử dụng ngân sách nhà nước từ nguồn chi phí chi thường xuyên;

Căn cứ Nghị định số 96/2018/NĐ-CP ngày 30 tháng 6 năm 2018 của Chính phủ quy định chi tiết về giá sản phẩm, dịch vụ thủy lợi và hỗ trợ tiền sử dụng sản phẩm, dịch vụ công ích thủy lợi;

Xét Tờ trình số /TTr-UBND ngày tháng năm 2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh; Báo cáo thẩm tra số /BC-HĐND/KTNS ngày ... tháng ... năm 2023 của Ban Kinh tế – Ngân sách Hội đồng nhân dân; ý kiến thảo luận của Đại biểu Hội đồng nhân dân tại kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng.

1. Phạm vi điều chỉnh.

Nghị quyết này quy định giá sản phẩm, dịch vụ công ích thủy lợi trên địa bàn tỉnh Bình Phước.

2. Đối tượng áp dụng.

Các doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực quản lý, khai thác công trình thủy lợi trên địa bàn tỉnh; các tổ chức, cá nhân được cấp có thẩm quyền cho phép quản lý, khai thác và bảo vệ công trình thủy lợi trên địa bàn tỉnh; các tổ chức, cá nhân sử dụng nước hoặc làm dịch vụ từ công trình thủy lợi trên địa bàn tỉnh; các cơ quan thực hiện quản lý nhà nước về quản lý, khai thác và bảo vệ công trình thủy lợi trên địa bàn tỉnh.

Điều 2. Thông qua giá sản phẩm, dịch vụ công ích thủy lợi trên địa bàn tỉnh Bình Phước, cụ thể như sau:

1. Giá sản phẩm, dịch vụ công ích thủy lợi đối với đất trồng lúa:

TT	Vùng và biện pháp công trình	Mức giá (1.000 đồng/ha/vụ)
a	Các xã miền núi trên địa bàn tỉnh	
-	Tưới tiêu bằng động lực	1.811
-	Tưới tiêu bằng trọng lực	1.267
-	Tưới tiêu bằng trọng lực và kết hợp động lực hỗ trợ	1.539
b	Các xã còn lại trên địa bàn tỉnh	
-	Tưới tiêu bằng động lực	1.329
-	Tưới tiêu bằng trọng lực	930
-	Tưới tiêu bằng trọng lực và kết hợp động lực hỗ trợ	1.130

- Trường hợp tưới, tiêu chủ động một phần thì mức giá bằng 60% mức giá tại biểu trên;

- Trường hợp chỉ tạo nguồn tưới, tiêu bằng trọng lực thì mức giá bằng 40% mức giá tại biểu trên;

- Trường hợp chỉ tạo nguồn tưới, tiêu bằng động lực thì mức giá bằng 50% mức giá tại biểu trên;

- Trường hợp phải tạo nguồn từ bậc 2 trở lên đối với các công trình được xây dựng theo quy hoạch được cấp có thẩm quyền phê duyệt, mức giá được tính tăng thêm 20% so với mức giá tại biểu trên.

2. Mức giá đối với diện tích trồng mạ, rau, màu, cây công nghiệp ngắn ngày kể cả cây vụ đông được tính bằng 40% mức giá đối với đất trồng lúa;

3. Mức giá đối với cấp nước để chăn nuôi, nuôi trồng thủy sản và cấp nước tưới cho cây công nghiệp dài ngày, cây ăn quả, hoa và cây dược liệu được tính theo Biểu sau:

TT	Các đối tượng dùng nước	Đơn vị	Mức giá theo các biện pháp công trình	
			Bơm	Hồ đập, kênh cống
a	Cấp nước cho chăn nuôi	đồng/m ³	1.320	900
b	Cấp nước để nuôi trồng thủy sản	đồng/m ³	840	600
		đồng/m ² mặt thoáng/năm		250
c	Cấp nước tưới các cây công nghiệp dài ngày, cây ăn quả, hoa và cây dược liệu	đồng/m ³	1.020	840

- Trường hợp cấp nước tưới cho cây công nghiệp dài ngày, cây ăn quả, hoa, cây dược liệu nếu không tính được theo mét khối (m^3) thì tính theo diện tích (ha), mức giá bằng 80% mức giá sản phẩm, dịch vụ công ích thủy lợi đối với đất trồng lúa cho một năm theo quy định.

4. Giá sản phẩm, dịch vụ công ích thủy lợi quy định tại Điều này là giá không có thuế giá trị gia tăng.

Điều 3. Giao Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức thực hiện; giao Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, các Ban Hội đồng nhân dân tỉnh, các Tổ Đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh và các đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện.

Noi nhận:

- Ủy ban Thường vụ Quốc hội;
- Chính phủ;
- Văn phòng Quốc hội;
- Văn phòng Chính phủ;
- Cục KTVB (Bộ Tư pháp);
- TTYT, TTHĐND, Đoàn Đại biểu Quốc hội, UBND tỉnh, BTTUBMTTQVN tỉnh;
- Các Ban HĐND tỉnh;
- Đại biểu HĐND tỉnh;
- Các cơ quan chuyên môn thuộc UBND tỉnh;
- TTHĐND, UBND các huyện, thị xã, thành phố;
- Trung tâm CNTT và TT;
- LĐVP, các phòng chuyên môn;
- Lưu: VT.

CHỦ TỊCH

Bình Phước, ngày 22 tháng 5 năm 2023

BÁO CÁO

Thẩm định dự thảo Nghị quyết quy định mức giá sản phẩm, dịch vụ công ích thủy lợi trên địa bàn tỉnh Bình Phước

Vừa qua, Sở Tư pháp nhận được Công văn số 1027/SNN-VP ngày 16/5/2023 của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn đề nghị Sở Tư pháp thẩm định dự thảo Nghị quyết quy định mức giá sản phẩm, dịch vụ công ích thủy lợi trên địa bàn tỉnh Bình Phước. Qua xem xét hồ sơ dự thảo Nghị quyết và các văn bản QPPL có liên quan, Sở Tư pháp báo cáo kết quả thẩm định như sau:

I. Về hồ sơ và trình tự, thủ tục xây dựng dự thảo Nghị quyết

1. Về hồ sơ

Hồ sơ kèm theo Công văn số 1027/SNN-VP ngày 16/5/2023 của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn đề nghị Sở Tư pháp thẩm định dự thảo Nghị quyết quy định mức giá sản phẩm, dịch vụ công ích thủy lợi trên địa bàn tỉnh Bình Phước đầy đủ theo quy định tại khoản 2 Điều 121 Luật Ban hành văn bản QPPL năm 2015.

2. Về trình tự, thủ tục xây dựng dự thảo Nghị quyết

Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn đã thực hiện đúng trình tự, thủ tục theo quy định tại Chương VIII Luật Ban hành văn bản QPPL năm 2015, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản QPPL năm 2020, Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14/5/2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật, Nghị định số 154/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14/5/2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật.

Dự thảo Nghị quyết quy định mức giá sản phẩm, dịch vụ công ích thủy lợi trên địa bàn tỉnh Bình Phước đã được Thường trực HĐND tỉnh giao UBND tỉnh trình tại kỳ họp giữa năm 2023 tại Thông báo số 116/TB-HĐND ngày 13/4/2023.

II. Nội dung thẩm định

1. Đối tượng, phạm vi điều chỉnh của dự thảo Nghị quyết

Nghị quyết quy định mức giá sản phẩm, dịch vụ công ích thủy lợi trên địa bàn tỉnh Bình Phước chưa quy định phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng trong dự thảo. Do đó, đề nghị Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn bổ sung phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng vào dự thảo Nghị quyết cho đầy đủ, phù hợp.

2. Sự phù hợp của nội dung dự thảo Nghị quyết với đường lối, chủ trương của Đảng, chính sách của Nhà nước; tính hợp hiến, tính hợp pháp, tính thống nhất của dự thảo Nghị quyết với hệ thống pháp luật

Để dự thảo Nghị quyết quy định mức giá sản phẩm, dịch vụ công ích thủy lợi trên địa bàn tỉnh Bình Phước đảm bảo tính hợp hiến, tính hợp pháp, tính thống nhất của dự thảo Nghị quyết với hệ thống pháp luật, đề nghị Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn xem xét, chỉnh sửa, giải trình một số nội dung sau:

Mức giá sản phẩm, dịch vụ công ích thủy lợi được Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tham mưu UBND tỉnh trình HĐND tỉnh thông qua tại kỳ họp giữa năm 2023 bằng giá tối đa sản phẩm, dịch vụ công ích thủy lợi được Bộ trưởng Bộ Tài chính ban hành tại Quyết định số 1477/QĐ-BTC ngày 05/8/2021 và Công văn số 13288/BTC-QLG ngày 16/12/2022. Do đó, đề nghị Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn chủ trì, phối hợp với Sở Tài chính thống nhất để tham mưu UBND tỉnh trình HĐND tỉnh giá sản phẩm, dịch vụ công ích cho phù hợp; đồng thời tham khảo giá sản phẩm, dịch vụ công ích với các tỉnh, thành phố có cùng điều kiện kinh tế xã hội với tỉnh Bình Phước.

3. Sự phù hợp của nội dung dự thảo Nghị quyết với các quy định trong văn bản đã giao cho HĐND quy định chi tiết

Theo quy định tại điểm a khoản 2 Điều 35 Luật Thủy lợi năm 2017, khoản 3 Điều 10, điểm đ khoản 3 Điều 20 Nghị định số 96/2018/NĐ-CP ngày 30/6/2018 của Chính phủ quy định chi tiết về giá sản phẩm, dịch vụ thủy lợi và hỗ trợ tiền sử dụng sản phẩm, dịch vụ công ích thủy lợi thì việc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tham mưu UBND tỉnh trình HĐND tỉnh thông qua Nghị quyết quy định mức giá sản phẩm, dịch vụ công ích thủy lợi trên địa bàn tỉnh Bình Phước là phù hợp với văn bản đã giao cho HĐND tỉnh quy định chi tiết.

4. Về ngôn ngữ, kỹ thuật soạn thảo văn bản

Ngôn ngữ và kỹ thuật soạn thảo của dự thảo Nghị quyết về cơ bản đảm bảo đúng theo quy định tại khoản 1 Điều 8 Luật Ban hành văn bản QPPL năm 2015 và Điều 69 Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14/5/2016 của Chính phủ.

Tuy nhiên, đề nghị Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn chỉnh sửa lại một số nội dung cho phù hợp, cụ thể như sau:

a) Tại phần tên gọi và Điều 1 của dự thảo đề nghị bỏ từ “mức” cho phù hợp;

b) Tại phần căn cứ pháp lý

- Tại căn cứ pháp lý thứ 3 đề nghị tách thành hai căn cứ pháp lý riêng biệt, cụ thể;

- Đề nghị bổ sung căn cứ pháp lý sau cho đầy đủ, cụ thể:

“Căn cứ Nghị định số 32/2019/NĐ-CP ngày 10 tháng 4 năm 2014 của Chính phủ quy định giao nhiệm vụ, đặt hàng hoặc đấu thầu cung cấp sản phẩm, dịch vụ công sử dụng ngân sách nhà nước từ nguồn kinh phí chi thường xuyên;”

c) Tại phần đề nghị ban hành đề nghị bỏ từ “tỉnh” sau cụm từ “Hội đồng nhân dân” cho phù hợp theo Mẫu số 16 Phụ lục I kèm theo Nghị định số 154/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ.

d) Tại Điều 1 của dự thảo đề nghị bỏ cục điều, khoản, điểm cho phù hợp theo quy định tại khoản 5 Điều 62 Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14/5/2016 của Chính phủ

đ) Tại Điều 2 đề nghị đưa nội dung khoản 1, khoản 2 ra khỏi dự thảo và chỉnh sửa lại như sau:

Điều 2. Giao Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức thực hiện; giao Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, các Ban của Hội đồng nhân dân tỉnh, các Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh và các đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh khóa ..., kỳ họp thứ ... thông qua ngày tháng năm 2023 và có hiệu lực kể từ ngày tháng năm 2023./.”

e) Tại phần nơi nhận đề nghị Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn bổ sung cơ quan nhận văn bản là “Cục KTVB (Bộ Tư pháp)” cho đầy đủ; đồng thời bổ sung việc đăng công báo văn bản quy phạm pháp luật cho phù hợp theo quy định tại khoản 2 Điều 150 Luật Ban hành văn bản QPPL năm 2015.

g) Trong toàn bộ dự thảo đề nghị rà soát lại dấu câu, lỗi chính tả cho đúng.

III. Kết luận

Nghị quyết quy định mức giá sản phẩm, dịch vụ công ích thủy lợi trên địa bàn tỉnh Bình Phước chỉ đủ điều kiện tham mưu UBND tỉnh trình HĐND tỉnh

thông qua theo quy định của Luật Ban hành văn bản QPPL năm 2015, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản QPPL năm 2020 và các văn bản có liên quan sau khi đã tiếp thu, chỉnh sửa hoặc giải trình các ý kiến thẩm định tại Báo cáo này.

Trên đây là Báo cáo thẩm định đối với dự thảo Nghị quyết quy định mức giá sản phẩm, dịch vụ công ích thủy lợi trên địa bàn tỉnh Bình Phước./.

Nơi nhận:

- UBND tỉnh (báo cáo);
- Sở NN&PTNT;
- Giám đốc (b/c);
- PGĐ Nguyễn Trọng Trí;
- Lưu: VT, PC,

**KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC**



Nguyễn Trọng Trí

Bình Phước, ngày 24 tháng 05 năm 2023

VP.UBND TỈNH BÌNH PHƯỚC

Về việc đề nghị trình Nghị quyết của HĐND tỉnh quy định giá sản phẩm, dịch vụ công ích thủy lợi trên địa bàn tỉnh Bình Phước

Họ Sô: _____
Đến Ngày: 25/5/2023
Chuyển: Kính gửi:
Số và ký hiệu HS: _____

TỜ TRÌNH

Nghị quyết của HĐND tỉnh quy định giá sản phẩm, dịch vụ công ích thủy lợi trên địa bàn tỉnh Bình Phước

Uỷ ban nhân dân tỉnh Bình Phước.

A.Thanks Thực hiện quy định của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2020.

Ngày 24/4/2023, Thường trực HĐND tỉnh đã có Công văn số 126/HĐND về phân công cơ quan trình dự thảo nghị quyết tại kỳ họp giữa năm 2023 của HĐND tỉnh và UBND tỉnh ban hành Công văn số 1354/UBND-TH ngày 24/4/2023 về phân công nhiệm vụ chuẩn bị nội dung trình HĐND tỉnh thông qua tại kỳ họp giữa năm 2023. Sở Nông nghiệp và PTNT (cơ quan chủ trì soạn thảo) đã hoàn thành xây dựng Dự thảo nghị quyết của HĐND tỉnh và xin ý kiến của các sở, ngành, UBND các huyện và các cơ quan, đơn vị có liên quan. Trên cơ sở ý kiến của các cơ quan, đơn vị, Sở Nông nghiệp và PTNT đã tiếp thu, giải trình và hoàn thiện dự thảo Nghị quyết gửi Sở Tư pháp thẩm định tại Công văn số 1027/SNN-VP ngày 16/5/2023; Dự thảo Nghị quyết đã được Sở Tư pháp thẩm định tại Báo cáo số 154/BC-STP ngày 22/5/2023 và được Sở Nông nghiệp và PTNT tiếp thu, chỉnh sửa hoàn thiện dự thảo Nghị quyết của HĐND tỉnh.

Sở Nông nghiệp và PTNT kính trình Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, trình Hội đồng nhân dân tỉnh ban hành Nghị quyết Quy định giá sản phẩm, dịch vụ công ích thủy lợi trên địa bàn tỉnh Bình Phước, với các nội dung như sau:

I. Sự cần thiết phải ban hành Nghị quyết.

1. Căn cứ pháp lý.

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 18 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ Luật giá ngày 20 tháng 6 năm 2012;

Căn cứ Luật Phí và lệ phí ngày 25 tháng 11 năm 2015;

Căn cứ Luật Thuỷ lợi ngày 19 tháng 6 năm 2017;

Căn cứ Nghị định số 32/2019/NĐ-CP ngày 10 tháng 4 năm 2019 của Chính phủ quy định giao nhiệm vụ, đặt hàng hoặc đấu thầu cung cấp sản phẩm, dịch vụ công sử dụng ngân sách nhà nước từ nguồn chi phí chi thường xuyên;

Căn cứ Nghị định số 96/2018/NĐ-CP ngày 30 tháng 6 năm 2018 của Chính phủ quy định chi tiết về giá sản phẩm, dịch vụ thủy lợi và hỗ trợ tiền sử dụng sản phẩm, dịch vụ công ích thủy lợi;

2. Sự cần thiết ban hành nghị quyết.

Căn cứ điểm a, khoản 2, Điều 35 của Luật Thuỷ lợi năm 2017 quy định: “*Đối với sản phẩm, dịch vụ công ích thủy lợi, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định giá cụ thể giá sản phẩm, dịch vụ công ích thủy lợi thuộc phạm vi thẩm quyền quản lý sau khi được Hội đồng nhân dân cùng cấp thông qua trên cơ sở giá tối đa sản phẩm, dịch vụ công ích thủy lợi do Bộ trưởng Bộ Tài chính quyết định*”.

Năm 2022, Bộ Tài chính không ban hành giá tối đa sản phẩm, dịch vụ công ích thủy lợi mà ban hành công văn số 13288/BTC-QLG Ngày 16/12/2022 về việc giá sản phẩm, dịch vụ công ích thủy lợi năm 2022, theo đó: đề nghị UBND tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương thực hiện theo quy định tại Nghị định 96/2018/NĐ-CP và quy định của pháp luật hiện hành đối với giá sản phẩm dịch vụ công ích thủy lợi năm 2022, cụ thể: Tại khoản 3, Điều 10, Nghị định số 96/2018/NĐ-CP ngày 11/11/2016 của Chính phủ quy định: “*Trường hợp trong điều kiện bình thường, các chi phí đầu vào trong giá sản phẩm, dịch vụ thủy lợi dự kiến năm kế hoạch ổn định, không biến động so với năm liền kề trước đó, Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn và Ủy ban nhân dân cấp tỉnh không đề nghị điều chỉnh giá tối đa hoặc khung giá sản phẩm, dịch vụ thủy lợi nhưng phải quy định giá cụ thể sản phẩm, dịch vụ thủy lợi và không được vượt quá giá tối đa và khung giá do Bộ Tài chính đã thông báo trước đó để các tổ chức, cá nhân khai thác công trình thủy lợi thực hiện; đồng thời gửi báo cáo về Bộ Tài chính*”.

Từ những quy định trên (khoản 3, Điều 10 của Nghị định số 96/2018/NĐ-CP ngày 30/6/2018 của Chính phủ, Công văn số 13288/BTC-QLG ngày 16/12/2022 của Bộ Tài chính), để có cơ sở cho Công ty TNHH MTV dịch vụ thủy lợi Bình Phước áp dụng biểu giá hợp đồng cung cấp dịch vụ tưới, tiêu, cấp nước với các tổ chức, cá nhân sử dụng sản phẩm dịch vụ thủy lợi trong năm 2023 và các năm tiếp theo, việc UBND tỉnh trình HĐND tỉnh ban hành Nghị quyết về giá sản phẩm, dịch vụ công ích thủy lợi trên địa bàn tỉnh Bình Phước là cần thiết.

II. Mục đích, quan điểm.

1. Mục đích.

Tuân thủ đúng các quy định tại Luật Thuỷ lợi ngày 19 tháng 6 năm 2017; Nghị định số 96/2018/NĐ-CP ngày 30/6/2018 của Chính phủ về quy định chi

tiết Giá sản phẩm, dịch vụ thủy lợi và hỗ trợ tiền sử dụng sản phẩm, dịch vụ công ích thủy lợi; làm cơ sở để các đơn vị quản lý công trình thủy lợi chủ động trong xây dựng kế hoạch sản xuất kinh doanh, lập dự toán và quyết toán theo đúng quy định.

2. Quan điểm.

Nội dung Nghị quyết không trái với các quy định tại văn bản quy phạm pháp luật cấp trên, phù hợp với điều kiện thực tiễn của địa phương; thực hiện xây dựng Nghị quyết phải đảm bảo trình tự, thủ tục xây dựng, ban hành văn bản quy phạm pháp luật của Hội đồng nhân dân cấp tỉnh.

Về giá sản phẩm, dịch vụ công ích thủy lợi trên địa bàn tỉnh Bình Phước trong Dự thảo Nghị quyết của HĐND: UBND tỉnh đề xuất bằng mức giá cụ thể sản phẩm, dịch vụ công ích thủy lợi được quy định tại Quyết định số 1174/QĐ-UBND tỉnh ngày 18/5/2017 về việc ban hành Quy định (tạm thời) giá sản phẩm, dịch vụ công ích thủy lợi trên địa bàn tỉnh Bình Phước. Lý do: ⁽¹⁾ giá đề xuất không vượt quá giá tối đa và khung giá do Bộ Tài chính đã thông báo trước đó (tại Quyết định số 1477/QĐ-BTC ngày 05/8/2021 của Bộ Tài chính); ⁽²⁾ giá đề xuất trong Dự thảo Nghị quyết đang được áp dụng thực hiện trên qua các năm, vẫn cơ bản đảm bảo nhiệm vụ cung cấp sản phẩm sản phẩm, dịch vụ công ích thủy lợi trên địa bàn tỉnh Bình Phước và đảm bảo để các đơn vị thực hiện công tác quản lý, khai thác vận hành công trình thủy lợi an toàn hiệu quả.

III. Bố cục và nội dung cơ bản của Nghị quyết.

1. Bố cục.

Dự thảo Nghị quyết được bố cục gồm 03 Điều, cụ thể:

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng.

Điều 2. Thông qua quy định giá sản phẩm, dịch vụ công ích thủy lợi trên địa bàn tỉnh Bình Phước.

Điều 3. Tổ chức thực hiện.

2. Nội dung cơ bản:

1. Giá sản phẩm, dịch vụ công ích thủy lợi đối với đất trồng lúa:

TT	Vùng và biện pháp công trình	Mức giá (1.000 đồng/ha/vụ)
a	Các xã miền núi trên địa bàn tỉnh	
-	Tưới tiêu bằng động lực	1.811
-	Tưới tiêu bằng trọng lực	1.267

-	Tưới tiêu bằng trọng lực và kết hợp động lực hỗ trợ	1.539
b	Các xã còn lại trên địa bàn tỉnh	
-	Tưới tiêu bằng động lực	1.329
-	Tưới tiêu bằng trọng lực	930
-	Tưới tiêu bằng trọng lực và kết hợp động lực hỗ trợ	1.130

- Trường hợp tưới, tiêu chủ động một phần thì mức giá bằng 60% mức giá tại biếu trên;

- Trường hợp chỉ tạo nguồn tưới, tiêu bằng trọng lực thì mức giá bằng 40% mức giá tại biếu trên;

- Trường hợp chỉ tạo nguồn tưới, tiêu bằng động lực thì mức giá bằng 50% mức giá tại biếu trên;

- Trường hợp phải tạo nguồn từ bậc 2 trở lên đối với các công trình được xây dựng theo quy hoạch được cấp có thẩm quyền phê duyệt, mức giá được tính tăng thêm 20% so với mức giá tại biếu trên.

2. Mức giá đối với diện tích trồng mạ, rau, màu, cây công nghiệp ngắn ngày kể cả cây vụ đông được tính bằng 40% mức giá đối với đất trồng lúa;

3. Mức giá đối với cấp nước để chăn nuôi, nuôi trồng thủy sản và cấp nước tưới cho cây công nghiệp dài ngày, cây ăn quả, hoa và cây dược liệu được tính theo Biểu sau:

TT	Các đối tượng dùng nước	Đơn vị	Mức giá theo các biện pháp công trình	
			Bơm	Hồ đập, kênh công
a	Cấp nước cho chăn nuôi	đồng/m ³	1.320	900
b	Cấp nước để nuôi trồng thủy sản	đồng/m ³	840	600
		đồng/m ² mặt thoáng/năm		250
c	Cấp nước tưới các cây công nghiệp dài ngày, cây ăn quả, hoa và cây dược liệu	đồng/m ³	1.020	840

- Trường hợp cấp nước tưới cho cây công nghiệp dài ngày, cây ăn quả, hoa, cây dược liệu nếu không tính được theo mét khối (m³) thì tính theo diện

tích (ha), mức giá bằng 80% mức giá sản phẩm, dịch vụ công ích thủy lợi đối với đất trồng lúa cho một năm theo quy định.

4. Giá sản phẩm, dịch vụ công ích thủy lợi quy định tại Điều này là giá không có thuế giá trị gia tăng.

IV. Những vấn đề khác xin ý kiến: Không

Trên đây là Tờ trình của Sở Nông nghiệp và PTNT về dự thảo Tờ trình của UBND tỉnh và dự thảo Nghị quyết của HĐND tỉnh quy định giá sản phẩm, dịch vụ công ích thủy lợi trên địa bàn tỉnh Bình Phước, kính trình UBND tỉnh xem xét, quyết định./.

Hồ sơ gửi kèm theo:

1. *Dự thảo Nghị quyết Quy định giá sản phẩm, dịch vụ công ích thủy lợi trên địa bàn tỉnh Bình Phước;*

2. *Dự thảo Tờ trình của UBND tỉnh trình HĐND tỉnh ban hành Nghị quyết Quy định giá sản phẩm, dịch vụ công ích thủy lợi trên địa bàn tỉnh Bình Phước;*

3. *Báo cáo số 127/BC-SNN-TL ngày 15/5/2023 của Sở Nông nghiệp và PTNT về quá trình xây dựng, tổng hợp ý kiến góp ý của các Sở, ngành, địa phương và tiếp thu chỉnh sửa dự thảo Nghị quyết;*

4. *Báo cáo thẩm định số 154/BC-STP ngày 22/5/2023 của Sở Tư pháp;*

5. *Báo cáo của Sở Nông nghiệp và PTNT tiếp thu nội dung thẩm định của Sở Tư pháp.*

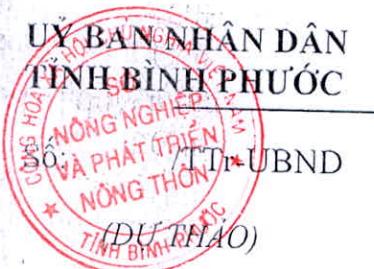
Nơi nhận:

- Như kính gửi;
- GĐ, PGĐ Sở;
- Chi cục Thuỷ lợi;
- Lưu: VT, CCTL.

**KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC**



Hoàng Mạnh Thường



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bình Phước, ngày tháng năm 2023

TỜ TRÌNH

Về việc ban hành Nghị quyết của HĐND tỉnh Quy định giá sản phẩm, dịch vụ công ích thủy lợi trên địa bàn tỉnh Bình Phước

Kính gửi:

Hội đồng nhân dân tỉnh Bình Phước.

Thực hiện quy định của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2020. Ủy ban nhân dân tỉnh kính trình Hội đồng nhân dân tỉnh dự thảo Nghị quyết Quy định giá sản phẩm, dịch vụ công ích thủy lợi trên địa bàn tỉnh Bình Phước, như sau:

1. Sự cần thiết phải ban hành Nghị quyết.

1. Căn cứ pháp lý.

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 18 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ Luật giá ngày 20 tháng 6 năm 2012;

Căn cứ Luật Phí và lệ phí ngày 25 tháng 11 năm 2015;

Căn cứ Luật Thuỷ lợi ngày 19 tháng 6 năm 2017;

Căn cứ Nghị định số 32/2019/NĐ-CP ngày 10 tháng 4 năm 2019 của Chính phủ quy định giao nhiệm vụ, đặt hàng hoặc đấu thầu cung cấp sản phẩm, dịch vụ công sử dụng ngân sách nhà nước từ nguồn chi phí chi thường xuyên;

Căn cứ Nghị định số 96/2018/NĐ-CP ngày 30 tháng 6 năm 2018 của Chính phủ quy định chi tiết về giá sản phẩm, dịch vụ thủy lợi và hỗ trợ tiền sử dụng sản phẩm, dịch vụ công ích thủy lợi;

2. Sự cần thiết ban hành nghị quyết.

Căn cứ điểm a, khoản 2, Điều 35 của Luật Thuỷ lợi năm 2017 quy định: "Đối với sản phẩm, dịch vụ công ích thủy lợi, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định giá cụ thể giá sản phẩm, dịch vụ công ích thủy lợi thuộc phạm vi thẩm quyền quản lý sau khi được Hội đồng nhân dân cùng cấp thông qua trên cơ sở

giá tối đa sản phẩm, dịch vụ công ích thủy lợi do Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định”.

Năm 2022, Bộ Tài chính không ban hành giá tối đa sản phẩm, dịch vụ công ích thủy lợi mà ban hành công văn số 13288/BTC-QLG Ngày 16/12/2022 về việc giá sản phẩm, dịch vụ công ích thủy lợi năm 2022, theo đó: đề nghị UBND tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương thực hiện theo quy định tại Nghị định 96/2018/NĐ-CP và quy định của pháp luật hiện hành đối với giá sản phẩm dịch vụ công ích thủy lợi năm 2022, cụ thể: Tại khoản 3, Điều 10, Nghị định số 96/2018/NĐ-CP ngày 11/11/2016 của Chính phủ quy định: “*Trường hợp trong điều kiện bình thường, các chi phí đầu vào trong giá sản phẩm, dịch vụ thủy lợi dự kiến năm kế hoạch ổn định, không biến động so với năm liền kề trước đó, Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn và Ủy ban nhân dân cấp tỉnh không để nghị điều chỉnh giá tối đa hoặc khung giá sản phẩm, dịch vụ thủy lợi nhưng phải quy định giá cụ thể sản phẩm, dịch vụ thủy lợi và không được vượt quá giá tối đa và khung giá do Bộ Tài chính đã thông báo trước đó để các tổ chức, cá nhân khai thác công trình thủy lợi thực hiện; đồng thời gửi báo cáo về Bộ Tài chính*”

Từ những quy định trên (khoản 3, Điều 10 của Nghị định số 96/2018/NĐ-CP ngày 30/6/2018 của Chính phủ, Công văn số 13288/BTC-QLG ngày 16/12/2022 của Bộ Tài chính), để có cơ sở cho Công ty TNHH MTV dịch vụ thủy lợi Bình Phước áp dụng biểu giá hợp đồng cung cấp dịch vụ tưới, tiêu, cấp nước với các tổ chức, cá nhân sử dụng sản phẩm dịch vụ thủy lợi trong năm 2023 và các năm tiếp theo, việc UBND tỉnh trình HĐND tỉnh ban hành Nghị quyết về giá sản phẩm, dịch vụ công ích thủy lợi trên địa bàn tỉnh Bình Phước là cần thiết.

II. Mục đích, quan điểm.

1. Mục đích.

Tuân thủ đúng các quy định tại Luật Thủy lợi ngày 19 tháng 6 năm 2017; Nghị định số 96/2018/NĐ-CP ngày 30/6/2018 của Chính phủ về quy định chi tiết Giá sản phẩm, dịch vụ thủy lợi và hỗ trợ tiền sử dụng sản phẩm, dịch vụ công ích thủy lợi; làm cơ sở để các đơn vị quản lý công trình thủy lợi chủ động trong xây dựng kế hoạch sản xuất kinh doanh, lập dự toán và quyết toán theo đúng quy định.

2. Quan điểm.

Nội dung Nghị quyết không trái với các quy định tại văn bản quy phạm pháp luật cấp trên, phù hợp với điều kiện thực tiễn của địa phương; thực hiện xây dựng Nghị quyết phải đảm bảo trình tự, thủ tục xây dựng, ban hành văn bản quy phạm pháp luật của Hội đồng nhân dân cấp tỉnh.

Về giá sản phẩm, dịch vụ công ích thủy lợi trên địa bàn tỉnh Bình Phước trong Dự thảo Nghị quyết của HĐND: UBND tỉnh đề xuất bằng mức giá cụ thể sản phẩm, dịch vụ công ích thủy lợi được quy định tại Quyết định số 1174/QĐ-

UBND tỉnh ngày 18/5/2017 về việc ban hành Quy định (tạm thời) giá sản phẩm, dịch vụ công ích thuỷ lợi trên địa bàn tỉnh Bình Phước. Lý do: ⁽¹⁾ giá đề xuất không vượt quá giá tối đa và khung giá do Bộ Tài chính đã thông báo trước đó (tại Quyết định số 1477/QĐ-BTC ngày 05/8/2021 của Bộ Tài chính); ⁽²⁾ giá đề xuất trong Dự thảo Nghị quyết đang được áp dụng thực hiện trên qua các năm, vẫn cơ bản đảm bảo nhiệm vụ cung cấp sản phẩm sản phẩm, dịch vụ công ích thuỷ lợi trên địa bàn tỉnh Bình Phước và đảm bảo để các đơn vị thực hiện công tác quản lý, khai thác vận hành công trình thuỷ lợi an toàn hiệu quả.

III. Quá trình xây dựng Dự thảo Nghị quyết.

Ngày 05/4/2023, Ủy ban nhân dân tỉnh có Tờ trình số 307/TTr-UBND đề nghị xây dựng Nghị quyết HĐND tỉnh Quy định giá sản phẩm, dịch vụ công ích thuỷ lợi năm 2023 trên địa bàn tỉnh Bình Phước.

Ngày 24/4/2023, Thường trực HĐND tỉnh đã có Công văn số 126/HĐND về phân công cơ quan trình dự thảo nghị quyết tại kỳ họp giữa năm 2023 của HĐND tỉnh và UBND tỉnh ban hành Công văn số 1354/UBND-TH ngày 24/4/2023 về phân công nhiệm vụ chuẩn bị nội dung trình HĐND tỉnh thông qua tại kỳ họp giữa năm 2023.

Trong quá trình xây dựng dự thảo Nghị quyết, Sở Nông nghiệp và PTNT (cơ quan chủ trì soạn thảo) đã xin ý kiến của các sở, ngành, UBND các huyện và các cơ quan, đơn vị có liên quan.

Trên cơ sở ý kiến của các cơ quan, đơn vị, Sở Nông nghiệp và PTNT đã tiếp thu, giải trình và hoàn thiện dự thảo Nghị quyết gửi Sở Tư pháp thẩm định tại Công văn số 1027/SNN-VP ngày 16/5/2023; Dự thảo Nghị quyết đã được Sở Tư pháp thẩm định tại Báo cáo số 154/BC-STP ngày 22/5/2023 và được Ban Kinh tế - Ngân sách HĐND tỉnh tổ chức thẩm tra tại Báo cáo số UBND tỉnh đã tiếp thu ý kiến thẩm tra và chỉnh sửa dự thảo Nghị quyết cho phù hợp.

IV. Bố cục và nội dung cơ bản của Nghị quyết.

1. Bố cục.

Dự thảo Nghị quyết được bố cục gồm 03 Điều, cụ thể:

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng.

Điều 2. Thông qua quy định giá sản phẩm, dịch vụ công ích thuỷ lợi trên địa bàn tỉnh Bình Phước.

Điều 3. Tổ chức thực hiện.

2. Nội dung cơ bản:

1. Giá sản phẩm, dịch vụ công ích thuỷ lợi đối với đất trồng lúa:

TT	Vùng và biện pháp công trình	Mức giá (1.000 đồng/ha/vụ)

a	Các xã miền núi trên địa bàn tỉnh	
-	Tưới tiêu bằng động lực	1.811
-	Tưới tiêu bằng trọng lực	1.267
-	Tưới tiêu bằng trọng lực và kết hợp động lực hỗ trợ	1.539
b	Các xã còn lại trên địa bàn tỉnh	
-	Tưới tiêu bằng động lực	1.329
-	Tưới tiêu bằng trọng lực	930
-	Tưới tiêu bằng trọng lực và kết hợp động lực hỗ trợ	1.130

- Trường hợp tưới, tiêu chủ động một phần thì mức giá bằng 60% mức giá tại biếu trên;

- Trường hợp chỉ tạo nguồn tưới, tiêu bằng trọng lực thì mức giá bằng 40% mức giá tại biếu trên;

- Trường hợp chỉ tạo nguồn tưới, tiêu bằng động lực thì mức giá bằng 50% mức giá tại biếu trên;

- Trường hợp phải tạo nguồn từ bậc 2 trở lên đối với các công trình được xây dựng theo quy hoạch được cấp có thẩm quyền phê duyệt, mức giá được tính tăng thêm 20% so với mức giá tại biếu trên.

2. Mức giá đối với diện tích trồng mạ, rau, màu, cây công nghiệp ngắn ngày kể cả cây vụ đông được tính bằng 40% mức giá đối với đất trồng lúa;

3. Mức giá đối với cấp nước để chăn nuôi, nuôi trồng thủy sản và cấp nước tưới cho cây công nghiệp dài ngày, cây ăn quả, hoa và cây dược liệu được tính theo Biểu sau:

TT	Các đối tượng dùng nước	Đơn vị	Mức giá theo các biện pháp công trình	
			Bơm	Hồ đập, kênh công
a	Cấp nước cho chăn nuôi	đồng/m ³	1.320	900
b	Cấp nước để nuôi trồng thủy sản	đồng/m ³ đồng/m ² mặt thoáng/năm	840 250	600

c	Cấp nước tưới các cây công nghiệp dài ngày, cây ăn quả, hoa và cây dược liệu	đồng/m ³	1.020	840
---	--	---------------------	-------	-----

- Trường hợp cấp nước tưới cho cây công nghiệp dài ngày, cây ăn quả, hoa, cây dược liệu nếu không tính được theo mét khối (m³) thì tính theo diện tích (ha), mức giá bằng 80% mức giá sản phẩm, dịch vụ công ích thủy lợi đối với đất trồng lúa cho một năm theo quy định.

4. Giá sản phẩm, dịch vụ công ích thủy lợi quy định tại Điều này là giá không có thuế giá trị gia tăng.

V. Những vấn đề khác xin ý kiến: Không

Trên đây là Tờ trình về dự thảo Nghị quyết Quy định giá sản phẩm, dịch vụ công ích thuỷ lợi trên địa bàn tỉnh Bình Phước, Ủy ban nhân dân tỉnh kính trình Hội đồng nhân dân tỉnh xem xét, quyết định./.

Hồ sơ gửi kèm theo:

1. Dự thảo Nghị quyết Quy định giá sản phẩm, dịch vụ công ích thuỷ lợi trên địa bàn tỉnh Bình Phước;
2. Báo cáo số 127/BC-SNN-TL ngày 15/5/2023 của Sở Nông nghiệp và PTNT về quá trình xây dựng, tổng hợp ý kiến góp ý của các Sở, ngành, địa phương và tiếp thu chỉnh sửa dự thảo Nghị quyết;
3. Báo cáo thẩm định số 154/BC-STP ngày 22/5/2023 của Sở Tư pháp;
4. Báo cáo của Sở Nông nghiệp và PTNT tiếp thu nội dung thẩm định của Sở Tư pháp.

Nơi nhận:

- Thường trực Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- Chủ tịch, các Phó Chủ tịch UBND tỉnh;
- Ủy ban MTTQVN tỉnh và các đoàn thể;
- Các cơ quan, sở, ban, ngành tỉnh;
- Văn phòng Tỉnh ủy;
- Văn phòng Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh;
- Văn phòng UBND tỉnh;
- Thường trực HĐND, UBND cấp huyện;
- Trung tâm thông tin - Văn phòng UBND tỉnh;
- Lưu: VT.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bình Phước, ngày tháng năm 2023

NGHỊ QUYẾT

**Quy định giá sản phẩm, dịch vụ công ích thủy lợi
trên địa bàn tỉnh Bình Phước**

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH BÌNH PHƯỚC
KHÓA X, KỲ HỌP THỨ ...**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 18 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ Luật giá ngày 20 tháng 6 năm 2012;

Căn cứ Luật Phí và lệ phí ngày 25 tháng 11 năm 2015;

Căn cứ Luật Thủy lợi ngày 19 tháng 6 năm 2017;

Căn cứ Nghị định số 32/2019/NĐ-CP ngày 10 tháng 4 năm 2019 của Chính phủ quy định giao nhiệm vụ, đặt hàng hoặc đấu thầu cung cấp sản phẩm, dịch vụ công sử dụng ngân sách nhà nước từ nguồn chi phí chi thường xuyên;

Căn cứ Nghị định số 96/2018/NĐ-CP ngày 30 tháng 6 năm 2018 của Chính phủ quy định chi tiết về giá sản phẩm, dịch vụ thủy lợi và hỗ trợ tiền sử dụng sản phẩm, dịch vụ công ích thủy lợi;

Xét Tờ trình số /TTr-UBND ngày tháng năm 2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh; Báo cáo thẩm tra số /BC-HĐND/KTNS ngày ... tháng ... năm 2023 của Ban Kinh tế – Ngân sách Hội đồng nhân dân; ý kiến thảo luận của Đại biểu Hội đồng nhân dân tại kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng.

1. Phạm vi điều chỉnh.

Nghị quyết này quy định giá sản phẩm, dịch vụ công ích thủy lợi trên địa bàn tỉnh Bình Phước.

2. Đối tượng áp dụng.

Các doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực quản lý, khai thác công trình thủy lợi trên địa bàn tỉnh; các tổ chức, cá nhân được cấp có thẩm quyền cho

phép quản lý, khai thác và bảo vệ công trình thủy lợi trên địa bàn tỉnh; các tổ chức, cá nhân sử dụng nước hoặc làm dịch vụ từ công trình thủy lợi trên địa bàn tỉnh; các cơ quan thực hiện quản lý nhà nước về quản lý, khai thác và bảo vệ công trình thủy lợi trên địa bàn tỉnh.

Điều 2. Thông qua giá sản phẩm, dịch vụ công ích thủy lợi trên địa bàn tỉnh Bình Phước, cụ thể như sau:

1. Giá sản phẩm, dịch vụ công ích thủy lợi đối với đất trồng lúa:

TT	Vùng và biện pháp công trình	Mức giá (1.000 đồng/ha/vụ)
a	Các xã miền núi trên địa bàn tỉnh	
-	Tưới tiêu bằng động lực	1.811
-	Tưới tiêu bằng trọng lực	1.267
-	Tưới tiêu bằng trọng lực và kết hợp động lực hỗ trợ	1.539
b	Các xã còn lại trên địa bàn tỉnh	
-	Tưới tiêu bằng động lực	1.329
-	Tưới tiêu bằng trọng lực	930
-	Tưới tiêu bằng trọng lực và kết hợp động lực hỗ trợ	1.130

- Trường hợp tưới, tiêu chủ động một phần thì mức giá bằng 60% mức giá tại biểu trên;

- Trường hợp chỉ tạo nguồn tưới, tiêu bằng trọng lực thì mức giá bằng 40% mức giá tại biểu trên;

- Trường hợp chỉ tạo nguồn tưới, tiêu bằng động lực thì mức giá bằng 50% mức giá tại biểu trên;

- Trường hợp phải tạo nguồn từ bậc 2 trở lên đối với các công trình được xây dựng theo quy hoạch được cấp có thẩm quyền phê duyệt, mức giá được tính tăng thêm 20% so với mức giá tại biểu trên.

2. Mức giá đối với diện tích trồng mạ, rau, màu, cây công nghiệp ngắn ngày kể cả cây vụ đông được tính bằng 40% mức giá đối với đất trồng lúa;

3. Mức giá đối với cấp nước để chăn nuôi, nuôi trồng thủy sản và cấp nước tưới cho cây công nghiệp dài ngày, cây ăn quả, hoa và cây dược liệu được tính theo Biểu sau:

TT	Các đối tượng dùng nước	Đơn vị	Mức giá theo các biện pháp công trình

			Bom	Hồ đập, kênh cống
a	Cấp nước cho chăn nuôi	đồng/m ³	1.320	900
b	Cấp nước để nuôi trồng thủy sản	đồng/m ³	840	600
		đồng/m ² mặt thoáng/năm		250
c	Cấp nước tưới các cây công nghiệp dài ngày, cây ăn quả, hoa và cây dược liệu	đồng/m ³	1.020	840

- Trường hợp cấp nước tưới cho cây công nghiệp dài ngày, cây ăn quả, hoa, cây dược liệu nếu không tính được theo mét khối (m^3) thì tính theo diện tích (ha), mức giá bằng 80% mức giá sản phẩm, dịch vụ công ích thủy lợi đối với đất trồng lúa cho một năm theo quy định.

4. Giá sản phẩm, dịch vụ công ích thủy lợi quy định tại Điều này là giá không có thuế giá trị gia tăng.

Điều 3. Giao Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức thực hiện; giao Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, các Ban Hội đồng nhân dân tỉnh, các Tổ Đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh và các đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh khoá, kỳ họp thứ ... thông qua ngày ... tháng ... năm 2023 và có hiệu lực từ ngày ... tháng ... năm 2023./.

Noi nhận:

- Ủy ban Thường vụ Quốc hội;
- Chính phủ;
- Văn phòng Quốc hội;
- Văn phòng Chính phủ;
- Cục KTVB (Bộ Tư pháp);
- TTYT, TTTHĐND, Đoàn Đại biểu Quốc hội, UBND tỉnh; BTTUBMTTQVN tỉnh;
- Các Ban HĐND tỉnh;
- Đại biểu HĐND tỉnh;
- Các cơ quan chuyên môn thuộc UBND tỉnh;
- TTTHĐND, UBND các huyện, thị xã, thành phố;
- Trung tâm CNTT và TT;
- LĐVP, các phòng chuyên môn;
- Lưu: VT.

CHỦ TỊCH

Bình Phước, ngày 24 tháng 05 năm 2023

BÁO CÁO

Tiếp thu, giải trình ý kiến thẩm định của Sở Tư pháp về dự thảo Nghị quyết HĐND tỉnh quy định giá sản phẩm, dịch vụ công ích thuỷ lợi trên địa bàn tỉnh Bình Phước

Ngày 19/5/2023, Sở Nông nghiệp và PTNT nhận được Báo cáo số 154/BC-STP ngày 22/5/2023 của Sở Tư pháp thẩm định dự thảo Nghị quyết quy định giá sản phẩm, dịch vụ công ích thủy lợi trên địa bàn tỉnh Bình Phước.

Sở Nông nghiệp và PTNT báo cáo tiếp thu, giải trình ý kiến thẩm định như sau:

- Đồng ý, tiếp thu đầy đủ các ý kiến, nội dung thẩm định của Sở Tư pháp.
- Nội dung tiếp thu, giải trình nội dung đề nghị sửa, bổ sung của Sở Tư pháp như sau:

TT	Nội dung, ý kiến thẩm định	Ý kiến tiếp thu	Giải trình
1	<p>1. Đối tượng, phạm vi điều chỉnh của dự thảo Nghị quyết.</p> <p>Nghị quyết quy định mức giá sản phẩm, dịch vụ công ích thủy lợi trên địa bàn tỉnh Bình Phước chưa quy định phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng trong dự thảo. Do đó, đề nghị Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn bổ sung phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng vào dự thảo Nghị quyết cho đầy đủ, phù hợp.</p>	Tiếp thu	

2. Sự phù hợp của nội dung dự thảo Nghị quyết với đường lối, chủ trương của Đảng, chính sách của Nhà nước; tính hợp hiến, tính hợp pháp, tính thống nhất của dự thảo Nghị quyết với hệ thống pháp luật

Để dự thảo Nghị quyết quy định mức giá sản phẩm, dịch vụ công ích thủy lợi trên địa bàn tỉnh Bình Phước đảm bảo tính hợp hiến, tính hợp pháp, tính thống nhất của dự thảo Nghị quyết với hệ thống pháp luật, đề nghị Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn xem xét, chỉnh sửa, giải trình một số nội dung sau:

2

Mức giá sản phẩm, dịch vụ công ích thủy lợi được Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tham mưu UBND tỉnh trình HĐND tỉnh thông qua tại kỳ họp giữa năm 2023 bằng giá tối đa sản phẩm, dịch vụ công ích thủy lợi được Bộ trưởng Bộ Tài chính ban hành tại Quyết định số 1477/QĐ-BTC ngày 05/8/2021 và Công văn số 13288/BTC-QLG ngày 16/12/2022. Do đó, đề nghị Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn chủ trì, phối hợp với Sở Tài chính thống nhất để tham mưu UBND tỉnh trình HĐND tỉnh giá sản phẩm, dịch vụ công ích cho phù hợp; đồng thời tham khảo

Tiếp thu

Nội dung giải trình:

- Giá sản phẩm, dịch vụ công ích thủy lợi trên địa bàn tỉnh Bình Phước trong Dự thảo Nghị quyết của HĐND, đề xuất bằng mức giá cụ thể sản phẩm, dịch vụ công ích thủy lợi được quy định tại Quyết định số 1174/QĐ-UBND tỉnh ngày 18/5/2017 về việc ban hành Quy định (tạm thời) giá sản phẩm, dịch vụ công ích thủy lợi trên địa bàn tỉnh Bình Phước. Lý do: ⁽¹⁾ giá đề xuất không vượt quá giá tối đa và khung giá do Bộ Tài chính đã thông báo trước đó (tại Quyết định số 1477/QĐ-BTC ngày 05/8/2021 của Bộ Tài chính); ⁽²⁾ giá đề xuất trong Dự thảo Nghị quyết đang được áp dụng thực hiện trên qua các năm, vẫn có bản đảm bảo nhiệm vụ cung cấp sản phẩm sản phẩm, dịch vụ công ích thủy lợi trên địa bàn tỉnh Bình Phước và đảm bảo để các đơn vị thực hiện công tác quản lý, khai thác vận hành công trình thủy lợi an toàn hiệu quả.

Mức giá trong dự thảo Nghị quyết đã được Sở Tài chính thống nhất tại Công văn số 1334/STC-GCS ngày 11/5/2023 và cũng đã được UBND tỉnh thống nhất đề xuất trong Tờ trình xây dựng Nghị quyết tại Tờ trình số 29/TTr-UBND ngày 05/4/2023.

- Tham khảo giá sản phẩm, dịch vụ công ích thủy lợi với các tỉnh, thành phố có cùng điều kiện kinh tế xã hội với tỉnh Bình Phước.

Hiện nay nhiều tỉnh đang áp dụng giá sản phẩm, dịch vụ công ích thủy lợi bằng mức giá tối đa tại Quyết định số 1477/QĐ-BTC ngày 05/8/2021 của Bộ Tài chính (trong đó: Nghị quyết số 54/NQ-HĐND ngày 10/12/2021 của HĐND tỉnh Bình Dương về quy định giá sản phẩm, dịch vụ công ích thủy lợi trên địa bàn tỉnh Bình Dương; Nghị quyết số 71/NQ-HĐND ngày 31/3/2023 của

	giá sản phẩm, dịch vụ công ích với các tỉnh, thành phố có cùng điều kiện kinh tế xã hội với tỉnh Bình Phước.		HĐND tỉnh Tây Ninh về quy định giá sản phẩm, dịch vụ công ích thủy lợi năm 2022 trên địa bàn tỉnh Tây Ninh)
3	Về ngôn ngữ, kỹ thuật soạn thảo văn bản		
	a) Tại phần tên gọi và Điều 1 của dự thảo đề nghị bỏ từ “mức” cho phù hợp;	Tiếp thu	
	b) Tại phần căn cứ pháp lý - Tại căn cứ pháp lý thứ 3 đề nghị tách thành hai căn cứ pháp lý riêng biệt, cụ thể; - Đề nghị bổ sung căn cứ pháp lý sau cho đầy đủ, cụ thể: <i>“Căn cứ Nghị định số 32/2019/NĐ-CP ngày 10 tháng 4 năm 2014 của Chính phủ quy định giao nhiệm vụ, đặt hàng hoặc đấu thầu cung cấp sản phẩm, dịch vụ công sử dụng ngân sách nhà nước từ nguồn kinh phí chi thường xuyên;”</i>	Tiếp thu	
	c) Tại phần đề nghị ban hành đề nghị bỏ từ “tỉnh” sau cụm từ “Hội đồng nhân dân” cho phù hợp theo Mẫu số 16 Phụ lục I kèm theo Nghị định số 154/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ.	Tiếp thu	

	d) Tại Điều 1 của dự thảo đề nghị bổ cục điều, khoản, điểm cho phù hợp theo quy định tại khoản 5 Điều 62 Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14/5/2016 của Chính phủ	Tiếp thu	
	<p>đ) Tại Điều 2 đề nghị đưa nội dung khoản 1, khoản 2 ra khỏi dự thảo và chỉnh sửa lại như sau:</p> <p>Điều 2. Giao Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức thực hiện; giao Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, các Ban của Hội đồng nhân dân tỉnh, các Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh và các đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện.</p> <p>Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh khóa ..., kỳ họp thứ ... thông qua ngày tháng năm 2023 và có hiệu lực kể từ ngày tháng năm 2023./.”</p>	Tiếp thu	
	e) Tại phần nơi nhận đề nghị Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn bổ sung cơ quan nhận văn bản là “Cục KTVB (Bộ Tư pháp)” cho đầy đủ; đồng thời bổ sung việc đăng công báo văn bản quy phạm pháp luật cho phù hợp theo quy định tại khoản 2 Điều 150 Luật Ban hành văn bản QPPL năm 2015.	Tiếp thu	

Trên đây là báo cáo tiếp thu, giải trình ý kiến thẩm định của Sở Tư pháp cho dự thảo Nghị quyết HĐND tỉnh quy định giá sản phẩm, dịch vụ công ích thuỷ lợi trên địa bàn tỉnh Bình Phước./.

Noi nhận:

- UBND tỉnh;
- Sở Tư pháp
- GĐ Sở, các PGĐ Sở;
- Chi cục Thuỷ lợi;
- Lưu: VT.

**KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC**



Hoàng Mạnh Thường



BỘ TÀI CHÍNH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Số: 13288 /BTC-QLG
V/v giá sản phẩm, dịch vụ công
ích thủy lợi năm 2022

Hà Nội, ngày 16 tháng 12 năm 2022

Kính gửi: Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương.

Thực hiện Kết luận số 77-KL/TW ngày 5/6/2020 của Bộ Chính trị về chủ trương khắc phục tác động của đại dịch COVID-19 để phục hồi và phát triển nền kinh tế đất nước, Bộ Chính trị đã thảo luận và kết luận: “Kéo dài thời kỳ ổn định ngân sách nhà nước giai đoạn 2017 - 2020 sang năm 2021”, Nghị quyết số 122/2020/QH14 ngày 19/6/2020 của Quốc hội đã quyết nghị: “Kéo dài thời kỳ ổn định ngân sách nhà nước giai đoạn 2017-2020 sang năm 2021” và căn cứ Nghị Quyết số 80/NQ-CP ngày 23/7/2021 của Chính phủ về giá tối đa sản phẩm, dịch vụ công ích thủy lợi năm 2021, Bộ Tài chính đã ban hành Quyết định số 1477/QĐ-BTC ngày 05/8/2021 về giá tối đa sản phẩm dịch vụ công ích thủy lợi năm 2021 làm cơ sở để Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố triển khai thực hiện.

Ngày 01/9/2021, Ủy ban Thường vụ Quốc hội ban hành Nghị quyết số 01/2021/UBTVQH15 quy định về các nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ dự toán chi thường xuyên ngân sách năm 2022 như sau: “*Hỗ trợ kinh phí sử dụng giá dịch vụ, sản phẩm công ích thủy lợi bằng 102% mức bình quân năm của kết quả thực hiện chi giai đoạn 2017-2020 và dự toán chi năm 2021 của ngân sách trung ương.*”.

Hiện nay, theo phân công của Chính phủ, Bộ Tài chính đã trình Chính phủ dự thảo Nghị định thay thế Nghị định số 96/2018/NĐ-CP ngày 30/6/2018 của Chính phủ quy định chi tiết về giá sản phẩm, dịch vụ thủy lợi và hỗ trợ tiền sử dụng sản phẩm, dịch vụ công ích thủy lợi (sau đây gọi tắt là Nghị định thay thế Nghị định số 96/2018/NĐ-CP). Căn cứ ý kiến chỉ đạo của Phó Thủ tướng Lê Minh Khái tại Văn bản số 6692/VPCP-KTTH của Văn phòng Chính phủ ngày 06/10/2022, Bộ Tài chính đang phối hợp với các Bộ, ngành liên quan rà soát hoàn thiện lại trình Chính phủ ban hành dự thảo Nghị định thay thế Nghị định số 96/2018/NĐ-CP. Nghị định thay thế Nghị định số 96/2018/NĐ-CP ngày 30/6/2018 chưa được ban hành nên theo quy định của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật, Nghị định số 96/2018/NĐ-CP ngày 30/6/2018 vẫn đang có hiệu lực thi hành.

Do vậy, hiện nay, việc lập phương án giá, điều chỉnh giá sản phẩm, dịch vụ công ích thủy lợi thực hiện theo quy định tại Nghị định số 96/2018/NĐ-CP ngày 30/6/2018 của Chính phủ và Điều 10 Nghị định số 177/2013/NĐ-CP ngày 14/11/2013 của Chính phủ. Sau khi Nghị định thay thế Nghị định số 96/2018/NĐ-CP ngày 30/6/2018 được Chính phủ ban hành sẽ thực hiện theo quy định tại Nghị định thay thế.

Vì vậy, đề nghị Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương thực hiện theo quy định tại Nghị định số 96/2018/NĐ-CP và quy định pháp luật hiện hành đối với giá sản phẩm, dịch vụ công ích thủy lợi năm 2022.

Trên đây là ý kiến của Bộ Tài chính./. 

Nơi nhận:

- Như trên;
- Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn;
- Các Vụ, Cục: NSNN, TCDN;
- Lưu: VT, QLG, 

KT. BỘ TRƯỞNG
THỦ TRƯỞNG



Nguyễn Đức Chi



BỘ TÀI CHÍNH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 1477/QĐ-BTC

Hà Nội, ngày 05 tháng 8 năm 2021

QUYẾT ĐỊNH

Về giá tối đa sản phẩm dịch vụ công ích thủy lợi năm 2021

BỘ TRƯỞNG BỘ TÀI CHÍNH

Căn cứ Luật phí và Lệ phí số 97/2015/QH13 ngày 25/11/2015;

Căn cứ Luật Giá số 11/2012/QH13 ngày 20/6/2012;

Căn cứ Luật Ngân sách Nhà nước số 83/2015/QH13 ngày 25/6/2015;

Căn cứ Luật Thủy lợi số 08/2017/QH14 ngày 19/6/2017;

Căn cứ Nghị định số 177/2013/NĐ-CP ngày 14/11/2013 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Giá;

Căn cứ Nghị định số 149/2016/NĐ-CP ngày 11/11/2016 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 177/2013/NĐ-CP ngày 14/11/2013 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật giá;

Căn cứ Nghị định số 87/2017/NĐ-CP ngày 26/7/2017 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Tài chính;

Căn cứ Nghị định số 32/2019/NĐ-CP ngày 10/4/2014 của Chính phủ quy định giao nhiệm vụ, đặt hàng hoặc đấu thầu cung cấp sản phẩm, dịch vụ công sử dụng ngân sách nhà nước từ nguồn kinh phí chi thường xuyên;

Căn cứ Nghị định số 96/2018/NĐ-CP ngày 30/6/2018 của Chính phủ quy định chi tiết về giá sản phẩm, dịch vụ thủy lợi và hỗ trợ tiền sử dụng sản phẩm, dịch vụ công ích thủy lợi;

Căn cứ Kết luận số 77-KL/TW ngày 05/6/2020 của Bộ Chính trị về chủ trương khắc phục tác động của đại dịch Covid-19 để phục hồi và phát triển nền kinh tế đất nước;

Căn cứ Nghị quyết số 22/2020/QH14 ngày 19/6/2020 của Quốc hội tại kỳ họp thứ 9, Quốc hội khóa XIV;

Căn cứ Nghị Quyết số 80/NQ-CP ngày 23/7/2021 của Chính phủ về giá tối đa sản phẩm, dịch vụ thủy lợi năm 2021

Theo đề nghị của Cục trưởng Cục Quản lý giá,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Giá tối đa sản phẩm, dịch vụ công ích thủy lợi năm 2021 như sau:

1. Biểu giá tối đa sản phẩm, dịch vụ công ích thủy lợi đối với đất trồng lúa:

TT	Vùng và biện pháp công trình	Giá tối đa (1.000 đồng/ha/vụ)
1	Miền núi cả nước	
	- Tưới tiêu bằng động lực	1.811
	- Tưới tiêu bằng trọng lực	1.267
	- Tưới tiêu bằng trọng lực và kết hợp động lực hỗ trợ	1.539
2	Đồng bằng sông Hồng	
	- Tưới tiêu bằng động lực	1.646
	- Tưới tiêu bằng trọng lực	1.152
	- Tưới tiêu bằng trọng lực và kết hợp động lực hỗ trợ	1.399
3	Trung du Bắc Bộ và Bắc khu IV	
	- Tưới tiêu bằng động lực	1.433
	- Tưới tiêu bằng trọng lực	1.003
	- Tưới tiêu bằng trọng lực và kết hợp động lực hỗ trợ	1.218
4	Nam khu IV và Duyên hải miền Trung	
	- Tưới tiêu bằng động lực	1.409
	- Tưới tiêu bằng trọng lực	986
	- Tưới tiêu bằng trọng lực và kết hợp động lực hỗ trợ	1.197
5	Tây Nguyên	
	- Tưới tiêu bằng động lực	1.629
	- Tưới tiêu bằng trọng lực	1.140
	- Tưới tiêu bằng trọng lực và kết hợp động lực hỗ trợ	1.385
6	Đông Nam Bộ	
	- Tưới tiêu bằng động lực	1.329
	- Tưới tiêu bằng trọng lực	930
	- Tưới tiêu bằng trọng lực và kết hợp động lực hỗ trợ	1.130
7	Đồng bằng sông Cửu Long	
	- Tưới tiêu bằng động lực	1.055
	- Tưới tiêu bằng trọng lực	732
	- Tưới tiêu bằng trọng lực và kết hợp động lực hỗ trợ	824

a) Trường hợp tưới, tiêu chủ động một phần thì mức giá tối đa bằng 60% mức giá tại Biểu trên.

b) Trường hợp chỉ tạo nguồn tưới, tiêu bằng trọng lực thì mức giá tối đa bằng 40% mức giá tại Biểu trên.

c) Trường hợp chỉ tạo nguồn tưới, tiêu bằng động lực thì mức giá tối đa bằng 50% mức giá tại Biểu trên.

d) Trường hợp lợi dụng thủy triều để tưới, tiêu thì mức giá tối đa bằng 70% mức giá tưới, tiêu bằng trọng lực quy định tại Biểu trên.

đ) Trường hợp phải tạo nguồn từ bậc 2 trở lên đối với các công trình được xây dựng theo quy hoạch được cấp có thẩm quyền phê duyệt, mức giá tối đa được tính tăng thêm 20% so với mức giá tại Biểu trên.

e) Trường hợp phải tách riêng mức giá cho tưới, tiêu trên cùng một diện tích thì mức giá tối đa cho tưới được tính bằng 70%, cho tiêu được tính bằng 30% mức giá quy định tại Biểu trên.

2. Mức giá tối đa đối với diện tích trồng mạ, rau, màu, cây công nghiệp ngắn ngày kể cả cây vụ đông được tính bằng 40% mức giá tối đa đối với đất trồng lúa.

3. Mức giá tối đa áp dụng đối với sản xuất muối được tính bằng 2% giá trị muối thành phẩm.

4. Mức giá tối đa đối với cấp nước để chăn nuôi, nuôi trồng thủy sản và cấp nước tưới cho cây công nghiệp dài ngày, cây ăn quả, hoa và cây dược liệu được tính theo Biểu sau:

TT	Các đối tượng dùng nước	Đơn vị	Mức giá tối đa theo các biện pháp công trình	
			Bơm	Hồ đập, kênh công
1	Cấp nước cho chăn nuôi	đồng/m ³	1.320	900
2	Cấp nước để nuôi trồng thủy sản	đồng/m ³	840	600
		đồng/m ² mặt thoáng/năm		250
3	Cấp nước tưới các cây công nghiệp dài ngày, cây ăn quả, hoa và cây dược liệu	đồng/m ³	1.020	840

a) Trường hợp cấp nước để nuôi trồng thủy sản lợi dụng thủy triều được tính bằng 50% mức giá tối đa quy định tại Biểu mức giá tối đa đối với cấp nước nêu trên.

b) Trường hợp cấp nước tưới cho cây công nghiệp dài ngày, cây ăn quả, hoa, cây dược liệu nếu không tính được theo mét khối (m³) thì tính theo diện tích (ha), mức giá tối đa bằng 80% mức giá tối đa sản phẩm, dịch vụ công ích thủy lợi đối với đất trồng lúa cho một năm theo quy định.

5. Tiêu, thoát nước khu vực nông thôn và đô thị trừ vùng nội thị mức giá tối đa bằng 5% mức giá sản phẩm, dịch vụ công ích thủy lợi của tưới đối với đất trồng lúa/vụ.

Điều 2. Giá tối đa sản phẩm, dịch vụ công ích thủy lợi quy định tại Quyết định này là giá không có thuế giá trị gia tăng.

Điều 3. Căn cứ mức giá tối đa quy định tại Điều 1 Quyết định này, Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quyết định giá cụ thể sản phẩm, dịch vụ công ích thủy lợi thuộc thẩm quyền quản lý, Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương quyết định giá cụ thể sản phẩm, dịch vụ công ích thủy lợi thuộc thẩm quyền quản lý sau khi được Hội đồng nhân dân cùng cấp thông qua theo quy định hiện hành nhưng không được vượt quá mức giá tối đa sản phẩm, dịch vụ công ích thủy lợi do Bộ Tài chính quy định tại Điều 1 Quyết định này.

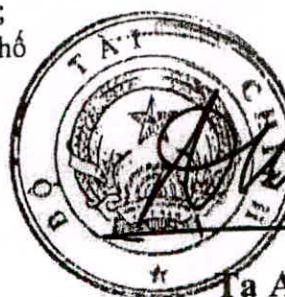
Điều 4. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký và được áp dụng cho cả năm ngân sách 2021.

Trong quá trình thực hiện, nếu có khó khăn, vướng mắc đề nghị phản ánh về Bộ Tài chính để giải quyết kịp thời./. *av*

Nơi nhận:

- Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn;
- UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;
- Sở NN&PTNT, Sở Tài chính các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;
- Cục TCDN, Vụ NSNN;
- Lưu: VT, Cục QLG. <135>

**KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG**



Tạ Anh Tuấn

ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH BÌNH PHƯỚC

Số: 1174/QĐ-UBND

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bình Phước, ngày 18 tháng 5 năm 2017

QUYẾT ĐỊNH

Về việc ban hành Quy định (tạm thời) giá sản phẩm, dịch vụ
công ích thủy lợi trên địa bàn tỉnh Bình Phước

CÔNG VĂN ĐỀN

Ngày 18 tháng 5 năm 2017

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH PHƯỚC

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;
Căn cứ Luật Giá số 11/2012/QH13 ngày 20/6/2012;
Căn cứ Luật Phí và lệ phí số 97/2015/QH13 ngày 25/11/2015;
Căn cứ Pháp lệnh Khai thác và bảo vệ công trình thủy lợi ngày 04/4/2001;

Căn cứ Nghị định số 143/2003/NĐ-CP ngày 28/11/2003 của Chính phủ
quy định chi tiết thi hành một số điều của Pháp lệnh Khai thác và bảo vệ công
trình thủy lợi;

Căn cứ Nghị định số 67/2012/NĐ-CP ngày 10/9/2012 của Chính phủ về
sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 143/2003/NĐ-CP ngày
28/11/2003 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Pháp lệnh
Khai thác và bảo vệ công trình thủy lợi;

Căn cứ Thông tư số 41/2013/TT-BTC ngày 11/04/2013 của Bộ trưởng Bộ
Tài chính hướng dẫn thi hành một số điều của Nghị định số 67/2012/NĐ-CP
ngày 10/09/2012 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 143/2003/NĐ-
CP ngày 28/11/2003 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của
Pháp lệnh Khai thác và bảo vệ công trình thủy lợi;

Căn cứ Thông tư số 280/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016 của Bộ Tài
chính quy định giá tối đa sản phẩm, dịch vụ công ích thủy lợi;

Xét đề nghị của Giám đốc Sở Nông nghiệp và PTNT tại Tờ trình số
53/TTr-SNN-TL ngày 26/4/2017,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy định (tạm thời) giá sản
phẩm, dịch vụ công ích thủy lợi trên địa bàn tỉnh Bình Phước.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký và thay thế
Quyết định số 02/2016/QĐ-UBND ngày 13/1/2016 của UBND tỉnh về việc ban
hành quy định mức thu thủy lợi phí, tiền nước trên địa bàn tỉnh Bình Phước.



Điều 3. Các ông (bà): Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc các sở, ngành: Nông nghiệp và PTNT, Kế hoạch và Đầu tư, Tài chính; Giám đốc Kho bạc Nhà nước Bình Phước; Chi cục trưởng Chi cục Thủy lợi và PCLB; Giám đốc Công ty TNHH MTV Dịch vụ Thủy lợi Bình Phước; Chủ tịch UBND các huyện, thị xã; Chủ tịch UBND các xã, phường, thị trấn và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Nơi nhận:

- Bộ Nông nghiệp & PTNT;
- Bộ Tài chính;
- TT, TU, TT.HĐND tỉnh;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- Như Điều 3;
- LĐVP, phòng: KT, TH;
- Lưu: VT (Th qd 09-017).



Huỳnh Anh Minh

QUY ĐỊNH (tạm thời)

Giá sản phẩm, dịch vụ công ích thủy lợi trên địa bàn tỉnh Bình Phước

(*Ban hành kèm theo Quyết định số 1174/QĐ-UBND
ngày 18 tháng 5 năm 2017 của UBND tỉnh*)

Chương I.
QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Quy định này quy định giá sản phẩm, dịch vụ công ích thủy lợi trên địa bàn tỉnh Bình Phước theo quy định tại Thông tư số 280/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định giá tối đa sản phẩm, dịch vụ công ích thủy lợi và quy định tại Nghị định 67/2012/NĐ-CP ngày 10/9/2012 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 143/2003/NĐ-CP ngày 28/11/2003 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của pháp lệnh khai thác và bảo vệ công trình thủy lợi.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Các doanh nghiệp, tổ chức hợp tác dùng nước có đăng ký kinh doanh theo quy định pháp luật; tổ chức, cá nhân đăng ký hoạt động hợp pháp có liên quan đến quản lý khai thác công trình thủy lợi (gọi tắt là đơn vị quản lý thủy nông), cơ quan, tổ chức có liên quan đến quản lý, khai thác công trình thủy lợi trên địa bàn tỉnh.

Chương II.
MỨC GIÁ SẢN PHẨM, DỊCH VỤ CÔNG İCH
THỦY LỢI TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH.

Điều 3. Mức giá sản phẩm, dịch vụ công ích thủy lợi.

1. Biểu giá sản phẩm, dịch vụ công ích thủy lợi đối với đất trồng lúa:

TT	Biện pháp công trình	Mức giá (1.000 đồng/ha/vụ)
1	Các xã miền núi trên địa bàn tỉnh	
	- Tưới, tiêu bằng động lực	1.811
	- Tưới, tiêu bằng trọng lực	1.267
	- Tưới, tiêu bằng trọng lực và kết hợp động lực hỗ trợ	1.539
2	Các xã còn lại trên địa bàn tỉnh	
	- Tưới, tiêu bằng động lực	1.329

- Tưới, tiêu bằng trọng lực	930
- Tưới, tiêu bằng trọng lực và kết hợp động lực hỗ trợ	1.130

- Trường hợp tưới, tiêu chủ động một phần thì mức giá bằng 60% mức giá tại biếu trên.

- Trường hợp chỉ tạo nguồn tưới, tiêu bằng trọng lực thì mức giá tính bằng 40% mức giá tại biếu trên.

- Trường hợp chỉ tạo nguồn tưới, tiêu bằng động lực thì mức giá tính bằng 50% mức giá tại biếu trên.

- Trường hợp phải tạo nguồn từ bậc 2 trở lên đối với các công trình được xây dựng theo quy hoạch được cấp có thẩm quyền phê duyệt, mức giá được tính tăng thêm 20% so với mức giá tại biếu trên.

- Trường hợp phải tách riêng mức giá cho tưới, tiêu trên cùng một diện tích thì mức giá cho tưới được tính bằng 70%, cho tiêu bằng 30% mức giá tại biếu trên.

- Căn cứ theo quy định của Trung ương về xã miền núi trên địa bàn tỉnh, các đơn vị quản lý, khai thác công trình thủy lợi lập kế hoạch và thanh quyết toán kinh phí theo quy định.

2. Đối với diện tích trồng mạ, rau, màu, cây công nghiệp ngắn ngày kể cả cây vụ Đông thì mức giá bằng 40% mức giá sản phẩm, dịch vụ công ích thủy lợi đối với đất trồng lúa.

3. Giá sản phẩm, dịch vụ công ích thủy lợi quy định tại khoản 1, 2 Điều này là giá không có thuế giá trị gia tăng.

4. Biểu giá sản phẩm, dịch vụ ~~công ích~~ thủy lợi đối với tiền nước từ các tổ chức, cá nhân sử dụng nước hoặc làm dịch vụ từ công trình thủy lợi để phục vụ cho các mục đích không phải sản xuất lương thực:

STT	Các đối tượng dùng nước	Đơn vị	Thu theo các biện pháp công trình	
			Bơm điện	Hồ đập, kênh công
1	- Cấp nước dùng cho sản xuất công nghiệp, tiêu thụ công nghiệp	đồng/m ³	1.800	900
2	- Cấp nước cho nhà máy nước sinh hoạt, chăn nuôi	đồng/m ³	1.320	900
3	- Cấp nước tưới các cây công nghiệp dài ngày, cây ăn quả, hoa và cây dược liệu	đồng/m ³	1.020	840
		đồng/m ³	840	600

4	- Cấp nước để nuôi trồng thủy sản	đồng/m ² .mặt thoáng/năm	250
5	- Nuôi trồng thủy sản tại công trình hồ chứa thủy lợi; - Nuôi cá bè	% Giá trị sản lượng	5% 6%
6	Vận tải qua âu thuyền, cảng của hệ thống thủy lợi: - Thuyền, sà lan - Các loại bè	đồng/tấn/lượt đồng/m ³ /lượt	7.200 1.800
7	Sử dụng nước từ công trình thủy lợi để phát điện	% giá trị sản lượng điện thương phẩm	8%
8	Sử dụng công trình thủy lợi để kinh doanh du lịch, nghỉ mát, an dưỡng, giải trí (kể cả kinh doanh sân gôn, casino, nhà hàng)	Tổng giá trị doanh thu	10%
9	Cấp nước để tưới cây trong đô thị	đồng/m ³	840

- Mức giá quy định tại khoản này chưa bao gồm thuế giá tăng.

- Trường hợp lấy nước theo khối lượng thì giá tiền nước được tính từ vị trí
nhận nước của tổ chức, cá nhân sử dụng nước.

- Trường hợp cấp nước tưới cho cây công nghiệp dài ngày, cây ăn quả,
hoa, cây dược liệu nếu không tính được theo (m³) thì tính theo diện tích (ha),
mức giá bằng 80% mức giá đối với đất trồng lúa trong 01 vụ cho một năm.

5. Mức giá quy định tại khoản 1, 2 của Điều này được tính ở vị trí cống
đầu kênh của tổ chức hợp tác dùng nước đến công trình đầu mối của công trình
thủy lợi. Cụ thể:

- Cống đầu kênh của tổ chức hợp tác dùng nước; là công trình dẫn nước
tưới hoặc tiêu nước cho một diện tích hưởng lợi nhất định thuộc trách nhiệm
quản lý của người hưởng lợi.

- Vị trí cống đầu kênh của tổ chức hợp tác dùng nước; là vị trí phân chia
ranh giới quản lý khai thác công trình giữa doanh nghiệp khai thác công trình
thủy lợi (từ công trình đầu mối đến cống đầu kênh) và tổ chức hợp tác dùng
nước (từ cống đầu kênh đến mặt ruộng) làm căn cứ xác định phạm vi miễn thu
giá sản phẩm, dịch vụ thủy lợi và phạm vi thu giá sản phẩm, dịch vụ thủy lợi nội
đồng.

Điều 4. Mức trần phí dịch vụ lấy nước.

Tổ chức hợp tác dùng nước được phép thu giá sản phẩm, dịch vụ lấy nước trong phạm vi phục vụ của mình (từ sau cổng đầu kênh do tổ chức hợp tác dùng nước quản lý đến mặt ruộng). Mức thu giá sản phẩm, dịch vụ lấy nước của tổ chức hợp tác dùng nước được thỏa thuận với tổ chức, cá nhân sử dụng nước nhưng không vượt quá 10% mức giá theo quy định tại khoản 1, Điều 3 của Quy định này.

Điều 5. Điều khoản thi hành

- Đối với các nội dung không được quy định tại Quy định này thì thực hiện theo quy định tại Nghị định số 67/2012/NĐ-CP ngày 10/9/2012 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 143/2003/NĐ-CP ngày 28/11/2003 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của pháp lệnh Khai thác và bảo vệ công trình thủy lợi và các quy định có liên quan.

- Trong quá trình triển khai thực hiện, nếu có khó khăn vướng mắc, các đơn vị phản ánh bằng văn bản về Sở Nông nghiệp và PTNT, Sở Tài chính để tổng hợp báo cáo, đề xuất UBND tỉnh xem xét, quyết định./.



bản khẩn:

UBND TỈNH BÌNH PHƯỚC
SỞ TÀI CHÍNH
Số: 1354/STC-GCS

V/v ý kiến góp ý Dự thảo Nghị quyết của HĐND tỉnh Quy định giá sản phẩm, dịch vụ công ích thủy lợi trên địa bàn tỉnh Bình Phước

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bình Phước, ngày 11 tháng 5 năm 2023

Kính gửi: Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

Sở Tài chính nhận được Công văn số 919/SNN-TL ngày 28/4/2023 của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về việc xin ý kiến về Dự thảo Nghị quyết của HĐND tỉnh Quy định giá sản phẩm, dịch vụ công ích thủy lợi trên địa bàn tỉnh Bình Phước,

Qua nghiên cứu, Sở Tài chính có ý kiến như sau:

Sở Tài chính cơ bản thống nhất với nội dung Dự thảo Nghị quyết của HĐND tỉnh Quy định giá sản phẩm, dịch vụ công ích thủy lợi trên địa bàn tỉnh Bình Phước do Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn soạn thảo. Tuy nhiên, để có cơ sở tính chi phí cấp nước tưới cho cây công nghiệp dài ngày, cây ăn quả, cây được liệu trong trường hợp không tính được theo mét khối (m^3), đề nghị bổ sung vào biểu bảng tại khoản 3, Điều 1 định mức tính đồng/ha/năm để phù hợp với địa bàn tỉnh Bình Phước.

Sở Tài chính có ý kiến gửi Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn để tổng hợp./
[Signature]

Nơi nhận:

- Như trên;
- Ban Giám đốc;
- Lưu: VT, GCS, (M).

GIÁM ĐỐC *[Signature]*



Nguyễn Anh Tài

UBND TỈNH BÌNH PHƯỚC
CÔNG TY TNHH MTV DỊCH
VỤ THỦY LỢI BÌNH PHƯỚC

Số: 125 /DVTL-KT

V/v góp ý Dự thảo Nghị quyết
của HĐND tỉnh Quy định giá
sản phẩm, dịch vụ công ích thủy
lợi trên địa bàn tỉnh Bình Phước.

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bình Phước, ngày 09 tháng 05 năm 2023

Kính gửi: Sở Nông nghiệp và PTNT tỉnh Bình Phước

Căn cứ công văn số 919/SNN-TL ngày 28/4/2023 của Sở Nông nghiệp và PTNT tỉnh Bình Phước về việc xin ý kiến về Dự thảo Nghị quyết của HĐND tỉnh Quy định giá sản phẩm, dịch vụ công ích thủy lợi trên địa bàn tỉnh Bình Phước;

Qua nghiên cứu nội dung dự thảo Nghị quyết của HĐND tỉnh Quy định giá sản phẩm, dịch vụ công ích thủy lợi trên địa bàn tỉnh Bình Phước, Công ty TNHH MTV dịch vụ Thủy lợi Bình Phước cơ bản thống nhất với nội dung dự thảo và không có ý kiến đóng góp, bổ sung gì thêm.

Đề nghị Sở Nông nghiệp và PTNT tỉnh Bình Phước xem xét, tổng hợp./.

Nơi nhận:

- Như kính gửi;
- Chủ tịch, PGĐ Cty;
- KSV công ty;
- Lưu: VT, KT_(Hồng).



Đặng Đình Thuần

UỶ BAN NHÂN DÂN
THỊ XÃ CHƠN THÀNH
Số: 495 /UBND-KTN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Chơn Thành, ngày 09 tháng 05 năm 2023

V/v góp ý Dự thảo Nghị quyết của
HĐND tỉnh Quy định giá sản
phẩm, dịch vụ công ích thủy lợi
trên địa bàn tỉnh Bình Phước.

Kính gửi: Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

UBND thị xã Chơn Thành nhận được Công văn số 919/SNN-VP ngày 28/4/2023 của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn đề nghị góp ý Dự thảo Nghị quyết của HĐND tỉnh Quy định giá sản phẩm, dịch vụ công ích thủy lợi trên địa bàn tỉnh Bình Phước;

Qua xem xét, UBND thị xã Chơn Thành cơ bản thống nhất với Dự thảo Nghị quyết của HĐND tỉnh Quy định giá sản phẩm, dịch vụ công ích thủy lợi trên địa bàn tỉnh Bình Phước gửi kèm theo Công văn số 919/SNN-VP ngày 28/4/2023 của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn. Tuy nhiên, đề nghị Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn xem xét điều chỉnh, bổ sung một số nội dung sau:

Về tiêu đề Nghị quyết và nội dung đầu tiên của Điều 1 Nghị quyết, đề nghị bổ sung cụm từ “năm 2023”, cụ thể:

- Phần tiêu đề Nghị quyết sẽ là: “Quy định giá sản phẩm, dịch vụ công ích thủy lợi **năm 2023** trên địa bàn tỉnh Bình Phước”.

- Điều 1. “Thông qua giá sản phẩm, dịch vụ công ích thủy lợi **năm 2023** trên địa bàn tỉnh Bình Phước”

Lý do: Cho phù hợp với nội dung mục 1, Điều 2 của Nghị quyết và nhiệm vụ UBND tỉnh giao tại Công văn số 1354/UBND-TH ngày 24/4/2023.

Kính chuyền quý Sở xem xét, tổng hợp./.

Nơi nhận: 

- Như trên;
- CT, các PCT, UBND thị xã;
- Phòng Kinh tế;
- LĐVP, CV: KT, KTN
- Lưu: VT.

KT.CHỦ TỊCH

KT.CHỦ TỊCH



Đặng Hoài Pha

UBND HUYỆN BÙ GIA MẬP
PHÒNG TÀI CHÍNH-KẾ HOẠCH
Số: 16/TC-KH

V/v góp ý dự thảo Nghị quyết của HĐND tỉnh Quy định giá sản phẩm, dịch vụ công ích thủy lợi trên địa bàn tỉnh Bình Phước.

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bù Gia Mập, ngày 11 tháng 05 năm 2023

Kính gửi:

- Sở Nông nghiệp & PTNT;
- Ủy ban nhân dân huyện.

Thực hiện Công văn số 919/SNN-TL ngày 28/04/2023 của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về việc xin ý kiến Dự thảo Nghị quyết của HĐND tỉnh Quy định giá sản phẩm, dịch vụ công ích thủy lợi trên địa bàn tỉnh;

Qua nghiên cứu nội dung chi tiết dự thảo Nghị quyết của HĐND tỉnh Quy định giá sản phẩm, dịch vụ công ích thủy lợi trên địa bàn tỉnh Bình Phước được gửi kèm theo Công văn số 919/SNN-TL ngày 28/04/2023 của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Phòng Tài chính – Kế hoạch huyện Bù Gia Mập thống nhất với nội dung dự thảo, bên cạnh đó có ý kiến như sau:

- Đề nghị bổ sung nội dung vào cuối mục 1, Điều 1, dự thảo Nghị quyết: Trường hợp phải tách riêng mức giá cho tưới, tiêu trên cùng một diện tích thì mức giá tối đa cho tưới được tính bằng 70%, cho tiêu được tính bằng 30% mức giá quy định tại Biểu trên.

Hiện nay, chưa có văn bản thay thế Nghị định số 96/2018/NĐ-CP ngày 30/06/2018 của Chính phủ quy định chi tiết về giá sản phẩm, dịch vụ thủy lợi và hỗ trợ tiền sử dụng sản phẩm, dịch vụ công ích thủy lợi; Quyết định số 1477/QĐ-BTC ngày 05/08/2021 của Bộ Tài chính về giá tối đa sản phẩm dịch vụ công ích thủy lợi năm 2021: mà mức giá tối đa sản phẩm, dịch vụ công ích thủy lợi năm 2021 được Bộ Tài chính quy định tại Quyết định số 1477/QĐ-BTC ngày 05/8/2021 ngang bằng so với mức giá áp dụng trong giai đoạn 2018-2020, đề nghị Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tham mưu UBND tỉnh kiến nghị Bộ Tài chính ban hành quy định mức giá tối đa sản phẩm, dịch vụ công ích thủy lợi trong năm 2023 nhằm đảm bảo phù hợp với tình hình thực tế.

Trân trọng./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- LĐCQ;
- Lưu VT.

TRƯỞNG PHÒNG



Nguyễn Thị Lan Hương

ỦY BAN NHÂN DÂN
HUYỆN BÙ ĐỐP

Số 633 /UBND-KT

V/v góp ý kiến về Dự thảo Nghị quyết của HĐND tỉnh Quy định giá sản phẩm, dịch vụ công ích thủy lợi trên địa bàn tỉnh Bình Phước.

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bù Đốp, ngày 08 tháng 5 năm 2023

Kính gửi: Sở Nông nghiệp & PTNT tỉnh Bình Phước.

Căn cứ công văn số 919/SNN-TL ngày 28/4/2023 của Sở NN&PTNT về việc xin ý kiến về Dự thảo Nghị quyết của HĐND tỉnh Quy định giá sản phẩm, dịch vụ công ích thủy lợi trên địa bàn tỉnh Bình Phước.

Sau khi nghiên cứu, tham khảo các cơ quan ban ngành UBND huyện Bù Đốp thống nhất nội dung Dự thảo Nghị quyết trên của HĐND tỉnh Bình Phước.

Trên đây là ý kiến của UBND huyện Bù Đốp./-

Nơi nhận: ch

- Như trên;
- Phòng NN-PTNT;
- CV KT;
- Lưu: VT.

quyết của HĐND
giá sản phẩm
địa bàn



Nguyễn Minh Phong

**ỦY BAN NHÂN DÂN
HUYỆN HỚN QUẢN**

Số: 862 /UBND-KT

V/v góp ý Dự thảo Nghị quyết của HĐND tỉnh Quy định giá sản phẩm, dịch vụ công ích thủy lợi trên địa bàn tỉnh Bình Phước.

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Hòn Quản, ngày 05 tháng 05 năm 2023

Kính gửi: Sở Nông nghiệp & PTNT.

Theo đề nghị của Sở Nông nghiệp & PTNT tại Công văn số 919/SNN-TL ngày 28/04/2023 về việc xin ý kiến về Dự thảo Nghị quyết của HĐND tỉnh Quy định giá sản phẩm, dịch vụ công ích thủy lợi trên địa bàn tỉnh Bình Phước,

Xét đề nghị của Phòng Nông nghiệp & PTNT huyện tại Tờ trình số 270/TTr-PNN ngày 04/5/2023, sau khi nghiên cứu nội dung Dự thảo Nghị quyết của HĐND tỉnh Quy định giá sản phẩm, dịch vụ công ích thủy lợi trên địa bàn tỉnh Bình Phước, UBND huyện Hòn Quản thống nhất các nội dung của Dự thảo Nghị quyết của HĐND tỉnh.

Kính gửi Sở Nông nghiệp & PTNT biết, tổng hợp theo quy định./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- CT, PCT.UBND huyện;
- Phòng Nông nghiệp & PTNT huyện;
- LĐVP, CV (KT) Tú;
- Lưu: VT.

KT.CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Nguyễn Vũ Tiến

Ký bởi: Ủy ban nhân dân huyện Hòn Quản
Ngày ký: 05/05/2023 10:25:21 +07:00

**UBND HUYỆN PHÚ RIỀNG
PHÒNG NN&PTNT**

Số: 83 /NN&PTNT

V/v xin ý kiến về Dự thảo Nghị quyết
của HĐND tỉnh Quy định giá sản
phẩm , dịch vụ công ích thủy lợi trên
địa bàn tỉnh Bình Phước.

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Phú Riềng, ngày 05 tháng 5 năm 2023

Kính gửi: Chi cục Thủy lợi tỉnh Bình Phước.

Căn cứ Công văn số 919/SNN-TL ngày 28/04/2023 của Sở Nông nghiệp
và PTNT tỉnh Bình Phước về việc xin ý kiến về Dự thảo Nghị quyết của HĐND
tỉnh Quy định giá sản phẩm , dịch vụ công ích thủy lợi trên địa bàn tỉnh Bình
Phước.

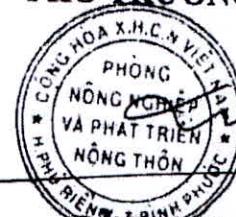
Qua nghiên cứu nội dung Dự thảo Nghị quyết của HĐND tỉnh Quy định
giá sản phẩm , dịch vụ công ích thủy lợi trên địa bàn tỉnh Bình Phước. Phòng
Nông nghiệp và PTNT huyện Phú Riềng thống nhất với nội dung dự thảo và
không có ý kiến góp ý gì thêm.

Phòng Nông nghiệp và PTNT huyện Phú Riềng gửi Chi cục Thủy lợi tỉnh
Bình Phước xem xét, tổng hợp ./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- CT, PCT.UBND huyện;
- Lưu: VT.

**KT TRƯỞNG PHÒNG
PHÓ TRƯỞNG PHÒNG**



Đỗ Thành Trung

**ỦY BAN NHÂN DÂN
HUYỆN ĐỒNG PHÚ**

Số: MS4 /UBND-KT

V/v góp ý đối với dự thảo Nghị quyết
của HĐND tỉnh Quy định giá sản
phẩm, dịch vụ công ích thuỷ lợi trên
địa bàn tỉnh Bình Phước

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Đồng Phú, ngày 28 tháng 5 năm 2023

Kính gửi: Sở Nông nghiệp và PTNT.

Theo đề nghị của Sở Nông nghiệp và PTNT tại Công văn số 919/SNN-TL
ngày 28/4/2023 về việc cho ý kiến về dự thảo Nghị quyết của HĐND tỉnh Quy
định giá sản phẩm, dịch vụ công ích thuỷ lợi trên địa bàn tỉnh Bình Phước.

Qua nghiên cứu nội dung dự thảo Nghị quyết quy định giá sản phẩm, dịch
vụ công ích thuỷ lợi trên địa bàn tỉnh Bình Phước, UBND huyện Đồng Phú thống
nhất với nội dung dự thảo nêu trên do Sở Nông nghiệp và PTNT soạn thảo.

Trân trọng!

Nơi nhận:

- CT, các PCT;
- Như trên;
- LĐVP, CVKT;
- Lưu: VT.

X

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Hoa Văn Định

**ỦY BAN NHÂN DÂN
THỊ XÃ PHƯỚC LONG**

Số: 462 /UBND-SX
V/v góp ý dự thảo Nghị quyết
của HĐND tỉnh Quy định giá
sản phẩm, dịch vụ công ích thủy
lợi trên địa bàn tỉnh Bình Phước.

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Phước Long, ngày 10 tháng 05 năm 2023

Kính gửi: Sở Nông nghiệp và PTNT tỉnh Bình Phước.

Căn cứ Công văn số 919/SNN-TL ngày 28/4/2023 của Sở Nông nghiệp và PTNT tỉnh Bình Phước về việc cho ý kiến góp ý dự thảo Nghị quyết của HĐND tỉnh Quy định giá sản phẩm, dịch vụ công ích thủy lợi trên địa bàn tỉnh Bình Phước;

Qua nghiên cứu nội dung dự thảo và đề xuất của phòng Kinh tế tại Báo cáo số 189/PKT ngày 09/5/2023, UBND thị xã Phước Long thống nhất với nội dung đã nêu trong dự thảo Nghị quyết của HĐND tỉnh Quy định giá sản phẩm, dịch vụ công ích thủy lợi trên địa bàn tỉnh Bình Phước.

Kính chuyển Sở Nông nghiệp và PTNT tỉnh Bình Phước biết, tổng hợp theo quy định./.

Nơi nhận:

- CT, các PCT, UBND thị xã;
- Như trên;
- Phòng Kinh tế;
- LĐVP, CVK_{KT, SX};
- Lưu VĂN

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Nguyễn Việt Hoàng

**ỦY BAN NHÂN DÂN
THỊ XÃ BÌNH LONG**

Số: 12/UBND-SX
V/v góp ý Dự thảo Nghị quyết
của HĐND tỉnh

Ủy ban nhân dân thị xã Bình Long
Thị xã Bình Long, Tỉnh Bình Phước
11-05-2023 16:12:52 +07:00
CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bình Long, ngày 11 tháng 5 năm 2023

Kính gửi: Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

Thực hiện Công văn số 919/SNN-TL ngày 28/4/2023 của Sở Nông nghiệp và PTNT tỉnh về việc xin ý kiến về Dự thảo Nghị quyết của HĐND tỉnh Quy định giá sản phẩm, dịch vụ công ích thủy lợi trên địa bàn tỉnh Bình Phước;

Xét đề nghị của Phòng Kinh tế thị xã tại Báo cáo số 99/BC-PKT ngày 09 tháng 5 năm 2023,

UBND thị xã Bình Long có ý kiến như sau:

Qua nghiên cứu Dự thảo Nghị quyết của HĐND tỉnh Quy định giá sản phẩm, dịch vụ công ích thủy lợi trên địa bàn tỉnh Bình Phước, thị xã Bình Long cơ bản thống nhất với Dự thảo Nghị quyết và không có ý kiến góp ý thêm.

Trên đây là ý kiến góp ý của UBND thị xã Bình Long./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- CT, PCT, UBND thị xã;
- Phòng Kinh tế;
- LĐVP, CV(Tân);
- Lưu: VT.



Đặng Hoàng Thái

ỦY BAN NHÂN DÂN
HUYỆN BÙ ĐĂNG
Số: 706/UBND-KT

V/v góp ý Dự thảo Nghị quyết của HĐND tỉnh Quy định giá sản phẩm, dịch vụ công ích thủy lợi trên địa bàn tỉnh Bình Phước.

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bù Đăng, ngày 08 tháng 5 năm 2023

Kính gửi: Sở Nông nghiệp và PTNT tỉnh Bình Phước.

Thực hiện Công văn số 919/SNN-VP ngày 28/4/2023 của Sở Nông nghiệp và PTNT tỉnh Bình Phước về việc xin ý kiến về dự thảo Nghị quyết của HĐND tỉnh Quy định giá sản phẩm, dịch vụ công ích thủy lợi trên địa bàn tỉnh Bình Phước.

Trên cơ sở góp ý của Phòng Nông nghiệp và PTNT huyện tại Báo cáo số 36/BC-GYNN ngày 05/5/2023, UBND huyện Bù Đăng góp ý như sau:

UBND huyện Bù Đăng thống nhất với dự thảo Nghị quyết Quy định giá sản phẩm, dịch vụ công ích thủy lợi trên địa bàn tỉnh Bình Phước.

Trên đây là ý kiến góp ý của UBND huyện Bù Đăng kính trình Sở Nông nghiệp và PTNT tỉnh Bình Phước xem xét, tổng hợp./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- CT, các PCT UBND huyện;
- Phòng Nông nghiệp và PTNT;
- Lưu; VT.

KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Trần Văn Phương

**ỦY BAN NHÂN DÂN
HUYỆN LỘC NINH**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số 4329/UBND-KT

Lộc Ninh, ngày 15 tháng 5 năm 2023

V/v góp ý kiến về Dự thảo Nghị quyết của HĐND tỉnh Quy định giá sản phẩm, dịch vụ công ích thủy lợi trên địa bàn tỉnh Bình Phước.

Kính gửi: Sở Nông nghiệp & PTNT tỉnh Bình Phước.

Ủy ban nhân dân huyện nhận được Công văn số 919/SNN-TL ngày 28/4/2023 của Sở Nông nghiệp&PTNT về việc xin ý kiến Dự thảo Nghị quyết của HĐND tỉnh Quy định giá sản phẩm, dịch vụ công ích thủy lợi trên địa bàn tỉnh Bình Phước.

Sau khi giao các cơ quan chuyên môn nghiên cứu, tổng hợp, UBND huyện Lộc Ninh có ý kiến thống nhất với nội dung Dự thảo Nghị quyết trên của HĐND tỉnh Bình Phước.

Trên đây là nội dung góp ý của UBND huyện Lộc Ninh theo đề nghị của Sở Nông nghiệp&PTNT tại Công văn số 919/SNN-TL ngày 28/4/2023.

Trân trọng!

Nơi nhận:

- Như trên;
- CT, PCT UBND huyện;
- LĐVP, CVVP;
- Lưu: VT P.NN&PTNT.

TH



Hồ Quang Khánh

ỦY BAN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ ĐỒNG Xoài

Số: 1251 /UBND-KT

V/v góp ý dự thảo Nghị quyết của
HĐND tỉnh Quy định giá sản phẩm,
dịch vụ công ích thủy lợi trên địa
bàn tỉnh Bình Phước

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Đồng Xoài, ngày 15 tháng 5 năm 2023

Kính gửi: Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

Ủy ban nhân dân thành phố Đồng Xoài nhận được Công văn số 919/SNN-TL ngày 28/4/2023 của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về việc góp ý dự thảo Nghị quyết của HĐND tỉnh Quy định giá sản phẩm, dịch vụ công ích thuỷ lợi trên địa bàn tỉnh Bình Phước.

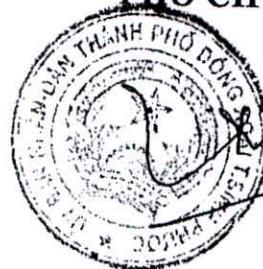
Qua nghiên cứu và theo Công văn số 221/KT ngày 05/5/2023 của Phòng Kinh tế thành phố, Ủy ban nhân dân thành phố Đồng Xoài thống nhất nội dung dự thảo Nghị quyết của HĐND tỉnh Quy định giá sản phẩm, dịch vụ công ích thuỷ lợi trên địa bàn tỉnh Bình Phước do Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn xây dựng.

Ủy ban nhân dân thành phố Đồng Xoài đề nghị Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn xem xét tổng hợp, tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh theo quy định.

Nơi nhận:

- Như trên;
 - CT, các PCT UBND thành phố;
 - Phòng Kinh tế thành phố;
 - LĐVP, CV: KT;
 - Lưu: VT
- B

KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Vũ Văn Mười